UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 26/12/2014)

DUCLONG GROUP

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký phát hành số 27/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 5 năm 2015)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Trụ sở chính : Số 2 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Pleiku, Gia Lai
Điện thoại : (84.5) 9374 7437 Fax : (84.5) 9374 7366

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

Trụ sở chính : Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 3776 5929 Fax : (84.4) 3776 5928
Website : www.msbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : Vũ Thị Hải Chức vụ: Kế toán trưởng
Điện thoại : (84.5) 9374 7437 Fax : (84.5) 9374 7366

PLEIKU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 26/12/2014)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	:	DLG
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng phát hành	:	**19.932.609 cổ phần**
Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá)	:	**199.326.090.000 đồng** *(Một trăm chín mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, chín mươi nghìn đồng)*
Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần
Hạn chế chuyển nhượng	:	1 năm kể từ ngày kết thúc phát hành
Mục đích phát hành	:	Hoán đổi cổ phiếu 1 công ty nước ngoài
Tỉ lệ hoán đổi	:	1 : 1,42987327026264
Đối tượng hoán đổi	:	Cổ đông của Công ty Mass Noble Investments Limited

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ	:	Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Điện thoại	:	(84.51) 1365 5886| Fax: (84.51) 1365 5887
Website	:	www.aac.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CTCP CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

Địa chỉ	:	Tầng 1&3 Tòa nhà SkyCity, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	(84.4) 3776 5929 | Fax: (84.4) 3776 5928
Website	:	www.msbs.com.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC **3**

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **9**

I. RỦI RO KINH TẾ 9

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam 9

2. Lạm phát 10

3. Lãi suất 10

4. Tỉ giá 11

II. RỦI RO LUẬT PHÁP 11

III. RỦI RO ĐẶC THÙ CỦA NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH 11

1. Ngành kinh doanh và chế biến sản phẩm gỗ 12

2. Ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ 12

3. Ngành kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản 12

4. Ngành trồng và khai thác cây cao su 12

5. Ngành thủy điện 13

6. Ngành kinh doanh bất động sản, xây dựng và vận hành các công trình giao thông BOT 13

7. Ngành nông nghiệp 13

8. Ngành sản xuất điện tử và linh kiện điện tử 13

IV. RỦI RO CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH 14

V. RỦI RO KHÁC 14

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN **15**

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 15

TỔ CHỨC TƯ VẤN 15

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT **16**

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **17**

I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 17

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 17

2. Quá trình tăng vốn 18

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY 19

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty 19

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 20

III. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 24

1. Cổ đông sáng lập 24

2. Cơ cấu cổ đông 25

IV. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY LIÊN QUAN ĐẾN DLG 25

1. Công ty mẹ của DLG 25

2. Danh sách công ty con của DLG 26

3. Danh sách công ty liên kết của DLG 27

4. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối DLG 27

V. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 28

1. Các nhóm sản phẩm chính 28

2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty 31

3. Nguyên vật liệu 32

4. Trình độ công nghệ 34

5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 40

6. Hoạt động marketing 40

7. Nhãn hiệu thương mại 40

8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 41

9. Lao động 41

VI. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 44

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và 2014 và quý I 2015 44

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai trong những năm qua 44

3. Các chỉ tiêu cơ bản 45

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 49

VII. CƠ CẤU TÀI SẢN 50

VIII. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO 52

IX. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 52

X. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH 52

1. Vị thế của Công ty trong ngành 52

2. Triển vọng phát triển ngành 53

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới 54

XI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG 55

1. Danh sách các thành viên HĐQT 55

2. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát 55

3. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 56

XII. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN 56
XIII. CÁC THÔNG TIN, TRANH CHẤP KIỆN TỤNG CÓ LIÊN QUAN CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 56
TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI 57
I. THÔNG TIN CHUNG VỀ MASS NOBLE 57
II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA MASS NOBLE 58
III. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA MASS NOBLE 59
1. Cơ cấu tổ chức của Mass Noble 59
2. Thông tin chung về các Công ty thành viên của Mass Noble 60
IV. SẢN PHẨM CHÍNH 62
V. KHÁCH HÀNG 62
VI. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ 62
1. Công nghệ của Công ty TNHH Shine Profit Development 62
2. Công nghệ của Công ty Greatrich Industrial 67
3. Công nghệ của Công ty TNHH Profit Metal 70
VII. TÌNH HÌNH KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2012-2014 CỦA MASS NOBLE 71
VIII. KẾ HOẠCH KINH DOANH DỰ KIẾN CỦA MASS NOBLE 76
PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU 79
I. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 79
1. Tên cổ phiếu 79
2. Loại cổ phiếu 79
3. Phương thức phát hành 79
4. Hạn chế chuyển nhượng 79
5. Mệnh giá 79
6. Tổng số cổ phiếu phát hành 79
7. Tổng giá trị phát hành thực tế theo mệnh giá 79
8. Thời gian dự kiến phát hành 79
9. Tỷ lệ chuyển đổi 79
10. Đối tượng chuyển đổi 80
11. Tiến độ dự án 80
II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ 80
1. Phương pháp tính giá phát hành 80
2. Xác định giá phát hành 80
III. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 80

IV. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN 81
V. CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THAM GIA VÀO ĐỢT PHÁT HÀNH 82
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN: 82
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN CHO CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI 82
3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN CHO CÔNG TY TNHH MASS NOBLE INVESTMENTS 82
CÁC THÔNG TIN KHÁC 83
I. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 83
II. NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN 83
CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 84
PHỤ LỤC 85

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Báo cáo quá trình tăng vốn của DLG từ năm 2007 - 2014 18
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và cổ phần nắm giữ tại thời điểm 18/3/2015 24
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại 18/3/2015 25
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của DLG 25
Bảng 5: Quy mô sản xuất 3 nhà máy chế biến gỗ của DLG tại Pleiku 30
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất năm 2013, 2014 và Quý I/2015 31
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2013, 2014 và Quý I/2015 32
Bảng 8: Một số nhà cung cấp chính của DLG 33
Bảng 9: Một số máy móc thiết bị sản xuất và chế biến gỗ của DLG 37
Bảng 10: Một số máy móc thiết bị sản xuất và chế biến đá của DLG 39
Bảng 11: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện 41
Bảng 12: Cơ cấu lao động thời điểm 31/3/2015 41
Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của DLG 44
Bảng 14: Các khoản thuế phải nộp 45
Bảng 15: Số dư các quỹ 46
Bảng 16: Tình hình dư nợ vay đến 31/3/2015 46
Bảng 17: Các khoản phải thu 48
Bảng 18: Các khoản phải trả 48
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính 49
Bảng 20: Thời gian khấu hao tài sản cố định 50
Bảng 21: Cơ cấu tài sản tính tại 31/3/2015 50
Bảng 22: Danh mục đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/3/2015 51
Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của DLG năm 2015 52
Bảng 24: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị 55
Bảng 25: Danh sách thành viên Ban kiểm soát 55
Bảng 26: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng 56
Bảng 27: Danh sách cổ đông của Mass Noble 58
Bảng 28: Một số máy móc, thiết bị chính của Shine Profit Development 65
Bảng 29: Một số máy móc, thiết bị chính của Greatrich Industrial 67
Bảng 30: Một số máy móc, thiết bị chính của Profit Metal 70
Bảng 31: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Mass Noble giai đoạn 2012-2015 72
Bảng 32: Kế hoạch kinh doanh dự kiến của Mass Noble 77

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP 9
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam giai đoạn từ 2006 đến 2014 10
Biểu đồ 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty 19
Biểu đồ 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty 20
Biểu đồ 5: Quy trình mua nguyên liệu gỗ 34
Biểu đồ 6: Quy trình cung ứng vật liệu gỗ cho sản xuất 35
Biểu đồ 7: Quy trình sản xuất 36
Biểu đồ 8: Quy trình sản xuất đá 39
Biểu đồ 9: Cơ cấu tổ chức của Mass Noble 59

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần rủi ro bởi các yếu tố rủi ro sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

I. RỦI RO KINH TẾ

Kinh tế vĩ mô là môi trường hoạt động chung nhất, bất cứ biến số kinh tế nào cũng đều có tác động trực tiếp và/hoặc gián tiếp lên kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam chịu tác động xấu không nhỏ từ hai sự kiện lớn của nền kinh tế thế giới là (i) khủng hoảng kinh tế toàn cầu với xuất phát điểm là khủng hoảng thị trường bất động sản tại Mỹ năm 2007 – 2008 và (ii) sự suy thoái của khu vực đồng tiền chung châu Âu từ năm 2010. Những ảnh hưởng xuất phát từ các cuộc suy thoái lớn đó dẫn đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam sụt giảm, hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, lạm phát tăng cao, các tổ chức trung gian tài chính (trong đó tiêu biểu là các tổ chức tín dụng) phải đối mặt với việc tái cơ cấu hoặc/và thu hẹp quy mô hoạt động. Những hệ quả đó được biểu lộ một cách tương đối rõ nét qua sự sụt giảm của tốc độ tăng GDP. Theo đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,23% và con số này trong năm 2009 và 2010 và 2011 lần lượt là 5,32%, 6,78%, và 5,89%.

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số.

Năm 2013, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,52%, cải thiện đáng kể so với mức tăng 4,73% của cùng kỳ 2012.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP

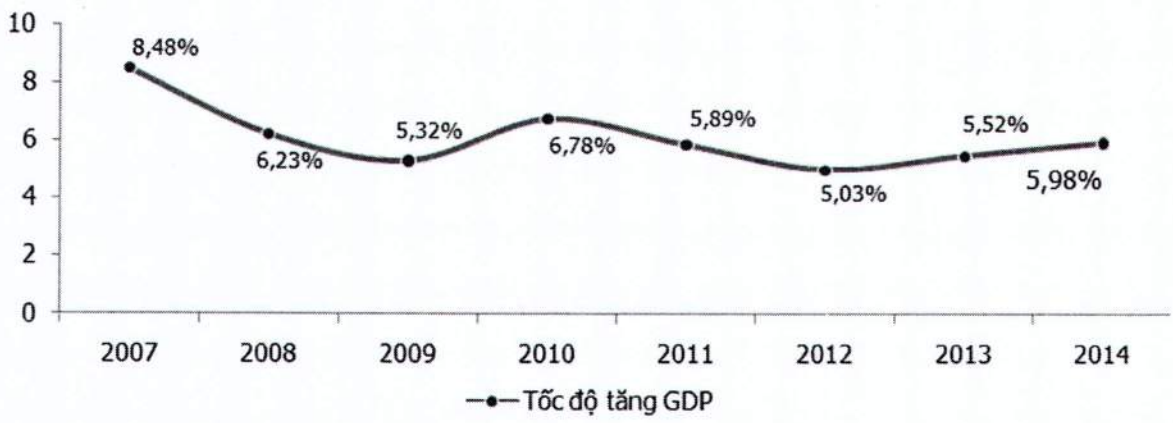

Nguồn: Tổng cục Thống Kê

Năm 2014, theo Tổng cục thống kê, GDP cả nước tăng 5,98% so với năm 2013. Theo đó, trong mức tăng 5,98% của GDP cả nước, khu vực công nghiệp và xây dựng dẫn đầu với mức đóng góp là 2,75 điểm phần trăm, kế đến là khu vực dịch vụ đóng góp 2,62 điểm phần trăm và cuối cùng là khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản đóng góp 0,61 điểm phần trăm.

Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù, theo các tổ chức tài chính có uy tín như IMF, Ernst & Young, kinh tế Việt Nam sẽ dần ổn định và phục hồi trong thời gian tới, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển.

2. Lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công v.v.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được duy trì ở mức ổn định, song Việt Nam cũng đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 18,9%. Sau khi giảm xuống 6,9% trong năm 2009, lạm phát đã tiếp tục tăng trở lại lên mức 11,8% trong năm 2010 và 18,12% năm 2011. Nhờ những nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát năm 2012 đã giảm xuống còn 6,81%.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam giai đoạn từ 2006 đến 2014

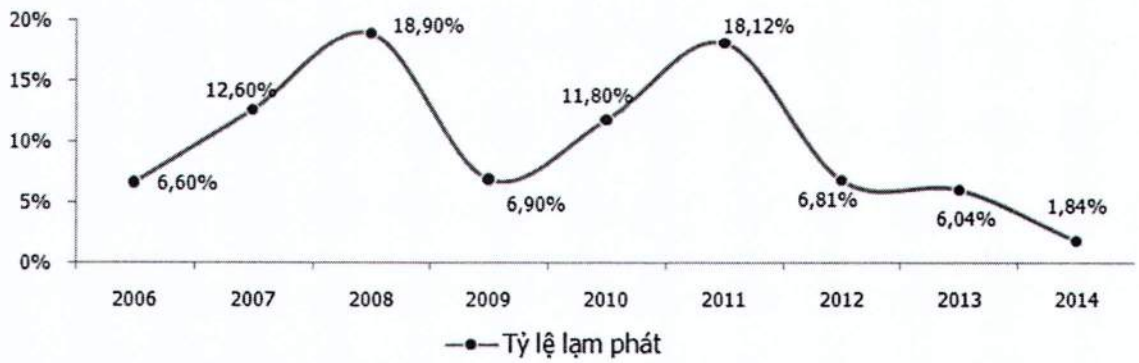

Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cuối năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng lạm phát thấp nhất trong vòng 10 năm của nền kinh tế trong nước. Trong năm 2013, cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng v.v. ở mức ổn định.

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chứng kiến xu hướng giảm của mức tăng lạm phát trong năm 2014 xuống mức 1,84% so với cùng kỳ năm trước. Một mặt, đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng. Mặt khác, đây cũng là lời cảnh báo về sức mua thấp của nền kinh tế. Cùng với tăng trưởng toàn nền kinh tế không cải thiện nhiều, mức tăng lạm phát thấp tạo ra nhiều quan ngại về sự trì trệ của nền kinh tế Việt Nam.

3. Lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, ảnh hưởng đến thu nhập tài chính cũng như chi phí lãi vay của doanh nghiệp. Do vậy việc lãi suất biến động sẽ ẩn chứa nhiều rủi ro đối với các

hoạt động tài chính cũng như kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện lãi suất huy động tiền VNĐ đã giảm xuống còn 0,8–1%/tháng, 5-7,5%/năm và 7,5-8,3%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng và trên 12 tháng. Với mức lãi suất huy động như trên, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại chỉ còn (i) 7-8%/năm cho lĩnh vực ưu tiên và (ii) 9-10%/năm vay ngắn hạn và 10,5-12% vay trung/dài hạn cho lĩnh vực khác, giảm khoảng 3-4%/năm so với cuối năm 2012[1]. Việc lãi suất giảm sẽ giúp cho DLG giảm được áp lực chi phí tài chính, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

4. Tỉ giá

Rủi ro tỷ giá từ hoạt động trong nước

Hiện tại, việc sản xuất và chế biến các sản phẩm từ gỗ của DLG được dành một phần khá lớn cho xuất khẩu. Việc xuất khẩu này sẽ mang về một lượng ngoại tệ tương ứng. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh của DLG sẽ biến động cùng chiều với tỷ giá. Xu hướng tăng của tỷ giá sẽ tiếp tục ảnh hưởng tích cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của DLG trong thời gian tới.

Rủi ro tỷ giá từ hoạt động kinh doanh sau khi hoán đổi cổ phiếu thành công

Việc hoán đổi thành công cổ phiếu sẽ giúp DLG bước đầu mở rộng hoạt động ra nước ngoài với mảng sản xuất điện tử và linh kiện điện tử (Công ty Mass Noble). Do đó, tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của DLG. Với tỉ giá hàng năm đều tăng, doanh thu và lợi nhuận của DLG sẽ được hưởng lợi tương đối lớn.

Tuy nhiên, tỷ giá vẫn có thể biến động ngoài xu hướng tăng vào một khoảng thời gian nhất định và tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của DLG.

II. RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của Tập Đoàn bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật Bảo vệ rừng. Hệ thống luật của Việt Nam đã và đang được dần hoàn thiện, tuy nhiên chưa được hoàn chỉnh. Các văn bản dưới luật còn nhiều chồng chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, trong suốt quá trình triển khai hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến nghiên cứu, vận dụng và tuân thủ các quy định pháp luật; đồng thời sẵn sàng cho các phương án dự phòng trong trường hợp có sự thay đổi chính sách pháp luật đã dự kiến.

III. RỦI RO ĐẶC THÙ CỦA NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH

DLG hiện đang hoạt động trong các lĩnh vực chính sau: (i) kinh doanh và chế biến sản phẩm gỗ; (ii) kinh doanh bến xe và bãi đỗ; (iii) kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản; (iv) trồng và khai thác cây cao su; (v) thủy điện; (vi) kinh doanh bất động sản, xây dựng và vận hành các công trình BOT. Trong giai đoạn kinh doanh năm 2015 trở đi, Tập đoàn DLG sẽ đầu tư mạnh vào kế hoạch triển khai dự án chăn nuôi bò sữa bổ sung vào lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp tiềm năng của Tập đoàn. Ngoài ra sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần Mass Noble thành công, lĩnh vực sản xuất điện tử và linh kiện điện tử sẽ là một trong các hoạt động mang lại doanh thu chính cho DLG.

---

[1]Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam www.sbv.gov.vn

1. Ngành kinh doanh và chế biến sản phẩm gỗ

Việt Nam hiện là quốc gia đứng thứ 12 trên thế giới về sản xuất gỗ và thứ 6 về xuất khẩu gỗ trên thế giới. Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là nhà xuất khẩu gỗ lớn nhất. Theo tính toán của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ năm 2014 đạt 6,21 tỷ USD và dự kiến đạt 7 tỷ USD năm 2020. Tuy nhiên Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khoảng 80% nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu gỗ tự nhiên trong nước dần cạn kiệt song song với chính sách đóng cửa rừng của chính phủ được thực thi, đã dẫn đến nguy cơ ngăn cản sự phát triển và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành xuất khẩu và chế biến đồ gỗ nói chung.

Trước tình hình đó, Công ty đã có kế hoạch chủ động nguồn nguyên liệu dài hạn bằng việc tăng cường công tác trồng rừng. Rủi ro về nguồn nguyên liệu của Công ty về dài hạn sẽ được hạn chế ở mức tối thiểu.

2. Ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ

Ngành kinh doanh dịch vụ bến xe và bãi đỗ đã được Chính phủ cho phép xã hội hóa việc đầu tư. Đây là hình thức đầu tư "**Nhà nước và tư nhân cùng làm**" để một mặt đảm bảo lợi ích của chủ đầu tư nhưng mặt khác nhằm tăng cường lợi ích công cộng cho người dân. Nhu cầu đi lại ngày càng tăng cam kết ngành kinh doanh đầy tiềm năng. Đặc thù với loại hình kinh doanh này là đầu tư một lần và sau đó duy trì công tác vận hành và thu phí. Dòng tiền của Công ty tạo ra bởi ngành kinh doanh này cao và ổn định. Vì vậy, rủi ro đặc thù liên quan đến ngành kinh doanh bến xe và bãi đỗ là không đáng kể.

3. Ngành kinh doanh khai thác và chế biến khoáng sản

Chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản đưa ra các cơ chế quản lý chặt chẽ, đòi hỏi các doanh nghiệp khai khoáng đáp ứng các điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, các điều kiện đảm bảo môi trường, phúc lợi đối với địa phương nơi doanh nghiệp khai thác. Rủi ro sẽ xảy ra nếu Công ty không đáp ứng đủ các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc trong hoạt động khai thác mỏ cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro này là không đáng kể do Công ty có đủ năng lực khai thác đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một rủi ro khác về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu, hoặc không đủ để khai thác công nghiệp, doanh nghiệp phải chịu thua lỗ sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm, và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Ngành trồng và khai thác cây cao su

Hoạt động trồng, khai thác và chế biến mủ cao su của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng nhiều bởi những thay đổi của thời tiết và khí hậu. Do đó, sự thất thường của thời tiết sẽ ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng sản phẩm, kế hoạch khai thác cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra giá cả cao su Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường cao su thế giới, và đặc biệt là có mối tương quan mật thiết với giá dầu thế giới. Hiện nay, thế giới sử dụng cùng lúc hai loại cao su: cao su thiên nhiên (cao su khai thác từ cây cao su) và cao su tổng hợp (cao su được chiết xuất từ dầu mỏ). Hai loại sản phẩm này là sản phẩm thay thế nhau. Vì thế, khi giá dầu giảm, giá cao su tổng hợp sẽ giảm so với giá cao su tự nhiên và ngược lại. Do vậy, biến động giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của ngành cao su.

5. Ngành thủy điện

Do ưu tiên phát triển thuỷ điện nằm trong chiến lược phát triển chung của ngành điện từ nay đến năm 2020, các dự án thuỷ điện được hưởng nhiều ưu đãi về thuế suất, chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước. Tuy nhiên, các công ty hoạt động trong lĩnh vực thuỷ điện cũng gặp không ít rủi ro, trong đó thời tiết là rủi ro chủ yếu. Do sản lượng và hiệu quả của nhà máy thuỷ điện phụ thuộc nhiều và trữ lượng nước, trong trường hợp hạn hán kéo dài làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế sẽ ảnh hưởng lớn đến sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

6. Ngành kinh doanh bất động sản, xây dựng và vận hành các công trình giao thông BOT

Vốn lớn cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thiết kế, xây dựng, thời gian v.v. là rủi ro đáng kể đối với dòng tiền của Công ty. Ngoài ra, biến động giá cả nguyên vật liệu, nhu cầu của khách hàng...cũng ảnh hưởng lớn đến ngành kinh doanh bất động sản của Công ty. Tuy nhiên, Công ty luôn chú trọng công tác đầu tư, nghiên cứu các dự án có hiệu quả; do đó rủi ro của Công ty cũng được hạn chế ở mức tối thiểu.

Hiện nay, tuyến Quốc lộ 14 là con đường ngắn nhất nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên với Thành phố Hồ Chí Minh. Nhu cầu đi lại về các tỉnh lớn, cùng với ưu điểm về thời gian và chi phí đi lại trên tuyến đường này là lợi thế cho các doanh nghiệp đầu tư, khai thác và vận hành công trình hạ tầng giao thông BOT, tạo nguồn doanh thu ổn định và lâu dài cho Công ty. Tuy nhiên, trong tương lai khi Công ty thực hiện đầu tư các tuyến quốc lộ khác nhau thì không loại trừ khả năng có thêm những đơn vị khác đến thị trường, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng, phát triển của Công ty. Ngoài ra, các lĩnh vực hoạt động đầu tư, khai thác, xây dựng và kinh doanh hạ tầng giao thông hiện đang có rất nhiều doanh nghiệp của nhà nước, nước ngoài và của các thành phần kinh tế khác tham gia nên khả năng Công ty gặp phải sự cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực này là điều không thể tránh khỏi.

7. Ngành nông nghiệp

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam đặc biệt là trồng trọt và chăn nuôi gặp nhiều thuận lợi do được hỗ trợ nhiều bởi yếu tố tự nhiên. Khí hậu nhiệt đới giúp ích rất lớn cho sự sinh trưởng và phát triển. Bên cạnh đó, yếu tố địa lý giáp ranh với nhiều nước láng giềng thông qua nhiều cửa ngõ cả trên biển lẫn trên bộ là một ưu thế vượt trội về đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

Tuy nhiên, doanh nghiệp hoạt động trong ngành này như Tập đoàn DLG cũng phải đối mặt với nhiều thách thức lớn đến từ sự phát triển chung của xã hội và thị trường. Xã hội càng phát triển kéo theo yêu cầu về sản phẩm nông nghiệp càng cao. Doanh nghiệp phải sẵn sàng đầu tư chi phí lớn cho hoạt động sản xuất, đầu tư máy móc, giống cây, con giống, công nghệ chăm sóc v.v. để đảm bảo chất lượng của sản phẩm luôn theo sát và đáp ứng đầy đủ yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, việc quá trình sản xuất nông nghiệp chịu tác động không nhỏ từ yếu tố khí hậu tự nhiên cũng khiến sản phẩm đầu ra không ổn định. Thêm vào đó, rủi ro đặc trưng của ngành này là hàng tồn kho lớn, không lưu trữ được lâu do chịu tác động từ phong cách tiêu dùng biến động của thị trường cũng đe dọa sự sống còn của doanh nghiệp.

8. Ngành sản xuất điện tử và linh kiện điện tử

Trong bối cảnh thế giới hiện đang có rất nhiều Công ty, tập đoàn lớn được coi là người khổng lồ trong lĩnh vực điện tử, công nghệ như SAMSUNG, LG v.v. thì áp lực đối với các công ty sản xuất điện tử/linh kiện điện tử như Mass Noble là rất lớn. Để có thể tồn tại và phát triển, các công ty nhỏ không thể trực tiếp cạnh tranh với các đối thủ sừng sỏ trên thị trường chính thức mà các doanh nghiệp này buộc phải khai thác các thị trường ngách, nơi mà các công ty lớn chưa quan tâm đến. Đây có thể coi là một thành công của Mass Noble trong thời gian qua. Sự khéo léo định hướng đúng mục tiêu và lựa chọn đúng phân khúc đã giúp Mass Noble dần xây dựng được hình ảnh và uy tín trên thị trường. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh trong thị trường ngách cũng không hề nhỏ và

đang có xu hướng tăng lên với sự gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới (Quá trình toàn cầu hóa ngày càng xóa bớt các rào cản gia nhập thị trường). Do đó, trong thời gian tới, Mass Noble cần phải không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh và đứng vững trên thị trường quốc tế.

IV. RỦI RO CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH

Rủi ro của đợt phát hành là rủi ro mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai có thể không phát hành hoặc không phát hành hết số cổ phần như dự kiến nếu cổ đông của Mass Noble có thể không đồng ý hoán đổi và chấp nhận chịu phạt theo điều khoản hợp đồng hoán đổi đã ký. Tuy nhiên rủi ro này là rất thấp do cho đến thời điểm hiện tại, các cổ đông của Mass Noble và ban lãnh đạo Mass Noble vẫn luôn nhiệt tình ủng hộ và cung cấp toàn bộ tài liệu cho DLG để việc cấp phép hoán đổi được thực hiện nhanh nhất.

Nhờ đó, ngày 25/4/2015, DLG đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 804/BKHĐT-ĐTRNN cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho DLG được mua cổ phần của cổ đông của Mass Noble, việc thanh toán sẽ được thực hiện theo hình thức DLG phát hành cổ phiếu để hoán đổi, sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

V. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh v.v. đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Ông	:	Bùi Pháp	Chức vụ	:	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Ông	:	Phạm Anh Hùng	Chức vụ	:	Tổng Giám đốc
Ông	:	Lê Ngọc Minh	Chức vụ	:	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông	:	Vũ Thị Hải	Chức vụ	:	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết và được chúng tôi cung cấp trên cơ sở đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Ông	:	Mạc Quang Huy	Chức vụ	:	Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 39/2014/IB.HN/MSBS, BAMBOO-DLG ký ngày 15/10/2014 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai cung cấp.

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Khái niệm

- Công ty/ Công ty Cổ phần/DLG : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
- Tổ chức tư vấn/MSBS : Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime Bank
- Mass Noble : Mass Noble Investments Limited

Từ viết tắt

- BCTC : Báo cáo tài chính
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm Soát
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ : Tài sản cố định
- UBND : Ủy ban Nhân dân
- TP : Thành phố
- VAT : Thuế giá trị gia tăng
- VĐL : Vốn điều lệ
- VND : Việt Nam Đồng
- USD : Đô la Mỹ
- TT/STT : Thứ tự

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (DLG) tiền thân là Xí nghiệp Tự doanh Đức Long được thành lập tháng 09/1995, với số vốn ban đầu là 3,6 tỷ đồng, sở hữu 9.700 m^2 và một dây chuyền chế biến gỗ thủ công và bán tự động. Sản phẩm chính của Công ty tại thời điểm đó là đồ gỗ nội thất, ván lót sàn và sản phẩm sân vườn. Sau 12 năm hoạt động, tháng 06/2007 Xí nghiệp đã chính thức chuyển đổi sang hình thức hoạt động công ty cổ phần, lấy tên hoạt động là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000135 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 13/06/2007 với số vốn điều lệ là 270 tỷ đồng, thay đổi lần thứ 23 ngày 23/10/2014 với số vốn điều lệ Công ty là 1.492.535.080.000 đồng.

Hiện nay, quy mô Công ty đã phát triển đáng kể. Trong đó, mảng kinh doanh gỗ sở hữu 150.000 m^2 mặt bằng nhà xưởng, sân bãi; 4 nhà máy sản xuất cùng 7 dây chuyền chế biến gỗ hiện đại. Công ty đã thành lập được hệ thống phân phối gỗ và đá gồm 15 đại lý trong nước, đồng thời phát triển 3 văn phòng đại diện tại Singapore, Nhật Bản và Mỹ. Đến nay sản phẩm và chất lượng của gỗ, đá Đức Long Gia Lai được biết đến nhiều cả trong và ngoài nước.

Từ khi thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Đức Long Gia Lai đã trở thành một tập đoàn lớn với 15 công ty thành viên, 3 công ty liên kết và nhiều chi nhánh trên toàn quốc với gần 40 ngành nghề kinh doanh. Tiếp tục mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực nhưng Đức Long Gia Lai xác định ngành nghề kinh doanh cốt lõi vẫn là:

(i) Chế biến gỗ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu;

(ii) Dịch vụ bến xe và bãi đỗ, xe buýt đô thị;

(iii) Khai thác chế biến đá granite tự nhiên;

Song song với ngành nghề truyền thống của mình, mục tiêu hướng đến của Đức Long Gia Lai là đầu tư mở rộng phát triển vào các lĩnh vực đang là thế mạnh của Tây Nguyên: chăn nuôi bò sữa; đầu tư thuỷ điện; trồng và chế biến cao su; khai thác, chế biến các loại khoáng sản kim loại màu và phi kim loại; đầu tư và kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông theo hình thức BOT và BT. Đức Long Gia Lai đã góp phần mang lại hiệu quả không nhỏ về mặt kinh tế xã hội cho tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Miền Trung - Tây Nguyên nói chung.

Kể từ khi thành lập đến nay, Đức Long Gia Lai đã nhận được hàng trăm giải thưởng về chất lượng sản phẩm và những đóng góp cho cộng đồng. Đặc biệt là năm 2005, xí nghiệp Tự doanh Đức Long đã vinh dự được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng ba. Năm 2010 Tập đoàn Đức Long Gia Lai lại một lần nữa vinh dự được chủ tịch nước tặng thưởng huân chương lao động hạng nhì. Riêng cá nhân ông Bùi Pháp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho những thành tích, đóng góp của ông cho cộng đồng và xã hội. Điều này khẳng định vị thế của Đức Long Gia Lai không chỉ về mặt chất lượng, sản phẩm dịch vụ để đảm bảo tăng trưởng mà còn góp phần không nhỏ vào việc ổn định cuộc sống cho người lao động, đặc biệt là lao động nông nhàn và người dân tộc thiểu số.

2. Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Báo cáo quá trình tăng vốn của DLG từ năm 2007 - 2014

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (VND)	Ghi chú
13/06/2007	270.000.000.000	Vốn đăng ký ban đầu
24/10/2008	291.000.000.000	Phát hành riêng lẻ
04/04/2011	320.098.270.000	Phát hành CP trả cổ tức và CP thưởng năm 2009
10/10/2011	352.107.080.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010
04/07/2012	485.440.080.000	Phát hành riêng lẻ
16/08/2012	670.851.080.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
26/09/2013	697.448.980.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu
23/10/2014	1.492.535.080.000	Chào bán CP cho cổ đông hiện hữu; Phát hành CP trả cổ tức 2013; Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

Nguồn: DLG

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Biểu đồ 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty

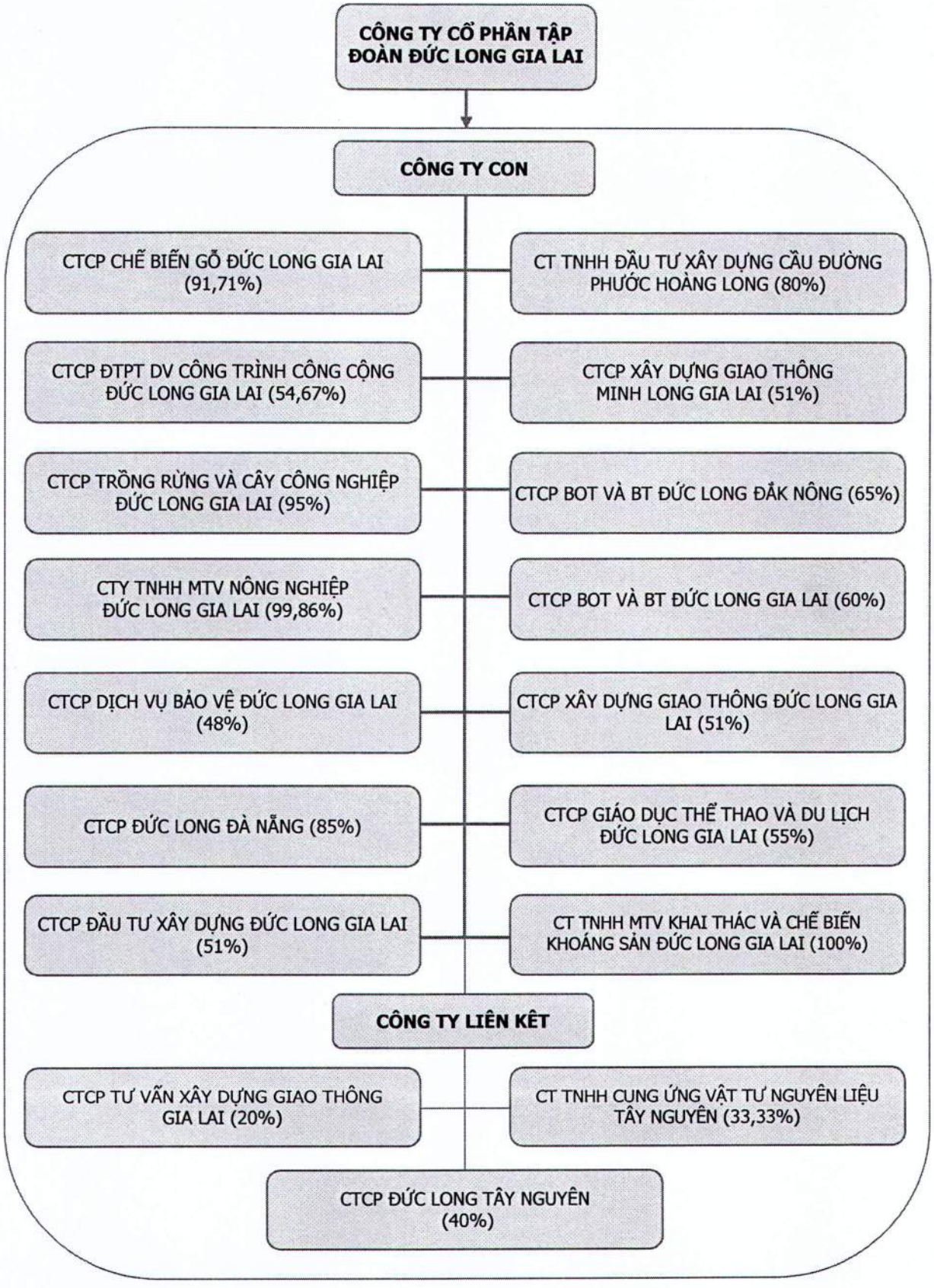

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Biểu đồ 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

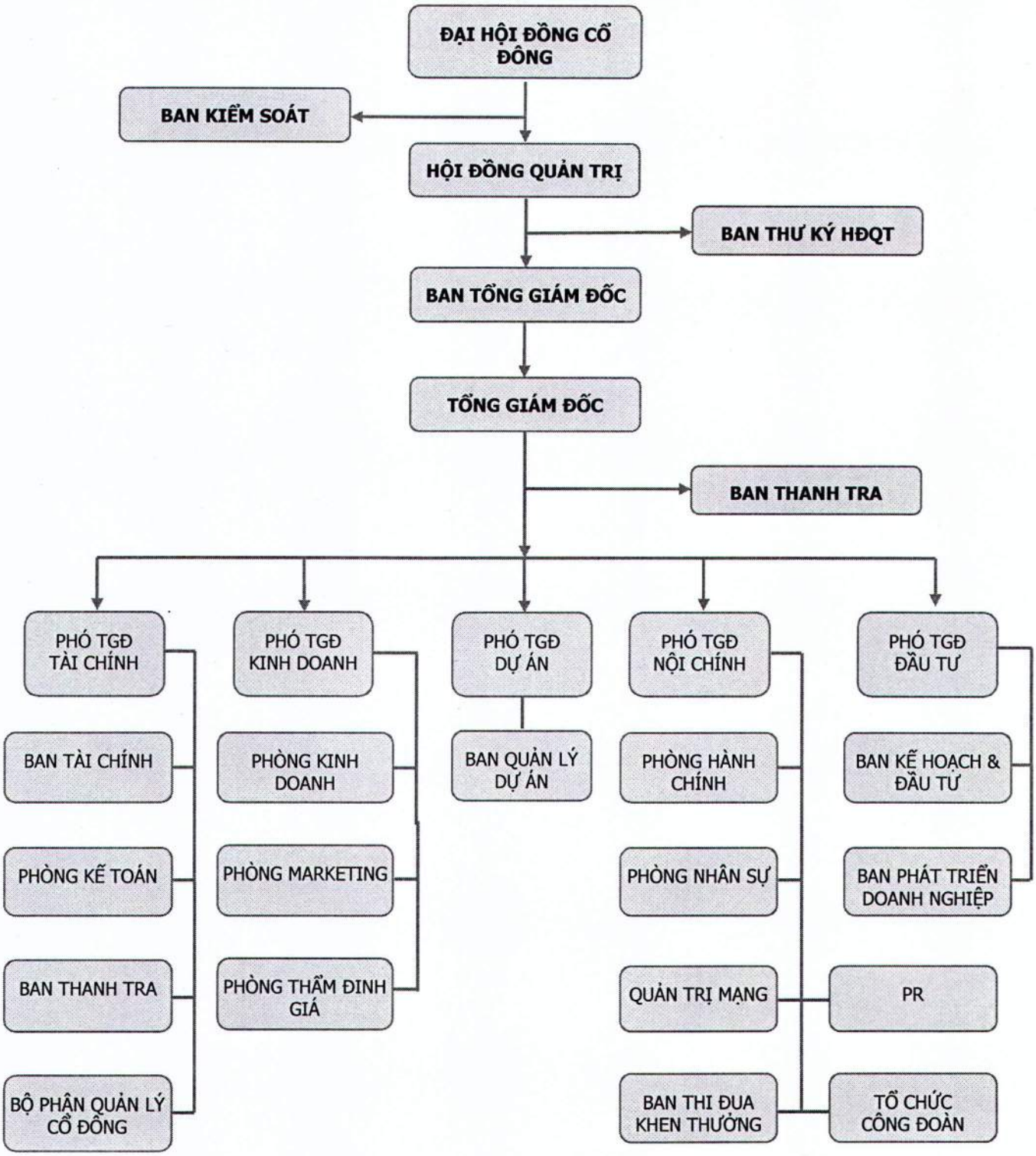

Nguồn: DLG

Cơ cấu bộ máy quản lý

DLG hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, có cơ cấu tổ chức như sau: (i) Đại hội đồng cổ đông, (ii) Hội đồng quản trị, (iii) Ban kiểm soát, (iv) Ban Tổng giám đốc, (v) Các phòng ban.

- **Đại Hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, các báo cáo của HĐQT và kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. ĐHĐCĐ còn có nhiệm vụ thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

- **Hội Đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có nghĩa vụ quản trị Công ty giữa hai kỳ đại hội. HĐQT có tối đa 11 thành viên và tối thiểu là 05 thành viên. Số lượng thành viên HĐQT mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.

  HĐQT có các quyền sau:

  - Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
  - Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
  - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
  - Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
  - Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
  - Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
  - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

  Hiện tại, HĐQT của Công ty có 08 thành viên.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

  Ban Kiểm soát có các quyền sau:

  - Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
  - Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
  - Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
  - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ

Hiện tại, Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm.

❖ **Ban Tổng giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo chiến lược, kế hoạch đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có 5 thành viên.

❖ **Chức năng các đơn vị, phòng ban:**

Ban Nhân sự - Hành chính:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách nhân sự và kinh doanh của Công ty, giúp Tổng Giám đốc lập dự thảo chương trình hành động, đề ra các biện pháp kiểm soát, cải tiến tổ chức, xây dựng các tiêu chuẩn hoạt động;
- Quản lý và giám sát các phòng ban, cung cấp các nguồn lực cần thiết cho các đơn vị. Xác định nhu cầu đào tạo và cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện đào tạo;
- Định kỳ thông báo cho Tổng Giám đốc biết về tình hình hoạt động hành chánh và nhân sự của Công ty. Chịu trách nhiệm chỉ đạo về công tác tổ chức hành chính như công tác quản trị hành chính, văn thư, lưu trữ bảo mật tài liệu cơ quan, xây dựng các chính sách tuyển dụng và tổ chức quản lý lao động, thi đua khen thưởng, nâng hạ lương;
- Thiết lập hệ thống thông tin có hiệu quả, tạo lập các mối quan hệ mật thiết trong Công ty. Phối hợp với các phòng ban, công trường để đem lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty. Chuẩn bị nội dung và điều khiển cuộc họp các cấp Trưởng hàng tuần.

Ban Tài chính – Kế toán:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc và HĐQT thực hiện chức năng quản lý tài chính, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về tài chính – kế toán, tổ chức phổ biến và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành kịp thời các quy định về tài chính – kế toán của Nhà nước. Quan hệ với ngân hàng, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan để thực hiện công tác tài chính – kế toán theo quy định của pháp luật;
- Tham mưu cho HĐQT và chịu trách nhiệm về các hoạt động tìm nguồn vốn đầu tư cho Công ty cũng như đại diện vốn đầu tư đối với các khoản đầu tư ra ngoài Công ty;

- Chỉ đạo quản lý tài sản, tiền vốn, hàng hoá, kinh phí và các quỹ, tổng kết thu – chi tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm tra thường xuyên hoạt động kế toán của các bộ phận, nắm bắt tình hình kinh doanh của Công ty để từ đó lập kế hoạch tài chính và cung cấp thông tin cho các bộ phận trong và ngoài Công ty;

- Chỉ đạo tổ chức thanh toán mua bán hàng hoá nhanh chóng và thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay vốn, tránh tình trạng vốn bị chiếm dụng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, bảo mật các số liệu;

- Chịu trách nhiệm chung về hiệu suất làm việc của Ban và liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về hệ thống kế toán – tài chính tại Công ty.

Ban Kế hoạch – Đầu tư:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc, hỗ trợ các bộ phận khác về kinh doanh, tiếp thị, thị trường, lập kế hoạch, tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu; về việc lựa chọn khách hàng, thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Giao tiếp khách hàng, liên hệ với các cơ sở bên ngoài tiếp thị và khai thác thị trường, nghiên cứu thị trường, chọn khách hàng ký hợp đồng, quản bá và liên hệ với các đơn vị trong và ngoài nước về quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo nguồn hàng sản xuất ổn định cho Công ty;

- Báo cáo cho Tổng Giám đốc về tiến độ sản xuất, tình hình sản xuất, kết quả việc thực hiện sản xuất kinh doanh cho Tổng Giám đốc. Báo cáo ngay những vấn đề không thực hiện được cho Tổng Giám đốc Công ty giải quyết;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động toàn Công ty. Chỉ đạo và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra tình hình hoạch định và thực hiện kế hoạch ở các đơn vị, phòng ban;

- Lập dự án đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư, quản lý hồ sơ dự án đầu tư;

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác nghiên cứu chiến lược thực hiện dự án, nghiên cứu khả thi và triển khai thực hiện các dự án đầu tư;

- Chịu trách nhiêm trước và chịu sự kiểm tra giám sát toàn diện của Ban Tổng Giám đốc về mọi hoạt động, quản lý về quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư cũng như kết thúc xây dựng dự án vào khai thác sử dụng;

- Tổ chức quản lý và triển khai các dự án đầu tư theo đúng quy định của Công ty và phù hợp với pháp luật của Nhà nước;

- Đề xuất tổ chức thành lập các công ty thành viên thực hiện các dự án, ngành nghề mới, ngành nghề chiến lược của Công ty.

Ban Marketing – Quan hệ Công chúng (PR):

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch marketing và quản trị thương hiệu phù hợp chiến lược phát triển của Công ty, ở mức độ Tập đoàn và công ty con;

- Xây dựng kế hoạch marketing hằng năm nhằm duy trì và quảng bá thương hiệu Công ty;

- Chỉ đạo việc xây dựng các kế hoạch tương tự tại các công ty thành viên; tham gia xây dựng kế hoạch marketing tổng thể cho công ty;

- Triển khai các hoạt động marketing theo kế hoạch và theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc;

- Quản lý quan hệ công chúng bao gồm xây dựng và duy trì quan hệ với các cơ quan truyền thông, xử lý các trường hợp khủng hoảng thông tin (nếu có);
- Tổ chức các hội thảo khách hàng, tổ chức và tham gia các hội thảo và triển lãm khác;
- Tổ chức các sự kiện của Công ty;
- Tổ chức các hoạt động quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông/nhà đầu tư (IR).

Ban Quản lý Dự án

- Thực hiện và giám sát trực tiếp các công trình được giao và chịu trách nhiệm trực tiếp với Ban Giám đốc về mọi mặt của công trình;
- Chuẩn bị kế hoạch thi công cho các công trình được giao, gồm cả việc quyết định cơ cấu tổ chức Ban chỉ huy công trường;
- Quản lý, điều phối và kiểm tra các hoạt động hàng ngày tại công trường;
- Theo dõi tiến độ của công trình và xác nhận khối lượng các hạng mục thi công theo định kỳ, báo cáo cho Ban lãnh đạo. Thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến khi cần thiết;
- Thay mặt Ban lãnh đạo trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả xử lý các ý kiến phàn nàn hay tranh chấp của khách hàng.

III. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Cổ đông sáng lập

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863, cấp lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2007. Đến thời điểm này các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và cổ phần nắm giữ tại thời điểm 18/3/2015

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	SỐ CP SH	Tỷ lệ SH (%)
1	Bùi Pháp	03 Trần Quang Khải, Pleiku, Gia Lai	33.840.387	22,67
2	Nguyễn Đình Trạc	P.Trà Bá, TP.Pleiku, Gia Lai	899.071	0,6
3	Đỗ Thanh	2/11 Nguyễn Đức Cảnh, P.Hoa Lư. TP. Pleiku, Gia Lai	19.950	0,01
4	Võ Châu Hoàng	Tổ 7. P. Trà Bá. TP. Pleiku, Gia Lai	9.238	0,01
5	Phạm Trưng	Ân Đức, Hoài Ân, Bình Định	305.880	0,20
6	Nguyễn Thị Hương	03 Trần Quang Khải, Pleiku, Gia Lai	350.880	0,24
7	Nguyễn Thanh Lâm	Ân phong, Hoài Ân, Bình Định	2.026.669	1,36
	Tổng cộng		**37.452.075**	**25,09**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/3/2015

2. Cơ cấu cổ đông

2.1 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại 18/3/2015

Cổ đông	SL sở hữu	Giá trị sở hữu (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Trong nước	***149.120.449***	**1.491.204.490.000**	**99,91%**
Cá nhân	*148.040.183*	*1.480.401.830.000*	*99,19%*
Tổ chức	*1.080.266*	*10.802.660.000*	*0,72%*
Nước ngoài	***133.059***	**1.330.590.000**	**0,09%**
Cá nhân	*121.917*	*1.219.170.000*	*0,08%*
Tổ chức	*11.142*	*111.420.000*	*0,01%*
TỔNG CỘNG	**149.253.508**	**1.492.535.080.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/3/2015

2.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của DLG tại thời điểm 18/3/2015

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của DLG

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Bùi Pháp	33.840.387	338.403.870.000	22,67
	Tổng cộng	**33.840.387**	**338.403.870.000**	**22,67**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/3/2015

IV. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY LIÊN QUAN ĐẾN DLG

1. Công ty mẹ của DLG

Không có

2. Danh sách công ty con của DLG

TT	Tên Công ty con của DLG	Địa chỉ	VĐL (tỷ VND)	% DLG sở hữu
1.	CTCP chế biến gỗ ĐLGL	Lô C4, Đường số 4, KCN Trà Đa, TP Pleiku, Gia Lai	35	91,71[2]
2.	CTCP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng ĐLGL	43 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	31,4	54,67
3.	CTCP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	43 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	2	51
4.	CTCP Trồng rừng & Cây công nghiệp ĐLGL	43 Lý Nam Đế, TP Pleiku, Gia Lai	30	95
5.	CTCP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai	73A Nguyễn Trọng Tuyển, P.15, Q.Phú Nhuận, TP.HCM	3,4	48
6.	CTCP Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai	Thôn Hoà Bình, Thị trấn Nhơn Hoà, Huyện Chư Pưh, Gia Lai	30	51
7.	CT TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long	Khối Phố 3, Thị trấn Phú Hoà, Huyện Chư Pưh, Gia Lai	30	80
8.	CTCP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông	210	65
9.	CTCP BOT và BT Đức Long Gia Lai	782 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Gia Lai	270	60
10.	CTCP Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai	Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Gia Lai	50	51
11.	CTCP Đức Long Đà Nẵng	47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	25	85
12.	CTCP Giáo dục Thể thao và Du lịch Đức Long Gia Lai[3]	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai	65	55
13.	CT TNHH MTV Khai thác và Chế biến Khoáng sản ĐLGL	Lô E6, KCN Trà Đa, TP Pleiku, Gia Lai	30	100
14.	CT TNHH Nông Nghiệp ĐLGL	211 thôn Phú Hà, xã Ia Blứ, huyện Chư Pưh, Gia Lai	360	99,86
15.	CTCP Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc (ngừng kiểm soát từ 17/6/2014)	Phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng	12	55,56
16.	CTCP ĐT và KD Bất động sản Đức Long Gia Lai (ngừng kiểm soát từ 18/3/2015)	308-310 Cao Thắng, P.12, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh	100	51

Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015 của DLG

[2] Tại 31/3/2015, DLG đã ngừng kiểm soát CTCP Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai
[3] Đến thời điểm 30/9/2014 công ty chưa đi vào hoạt động kinh doanh

3. Danh sách công ty liên kết của DLG

TT	Tên Công ty liên kết của DLG	Địa chỉ	VĐL (tỷ VND)	% DLG sở hữu
1.	CTCP Tư vấn XDGT Gia Lai	53 Quang Trung, TP Pleiku, GL	2,9	20
2.	CT TNHH Cung ứng Vật tư NL Tây Nguyên	02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, TP Pleiku, Gia Lai	60	33,33
3.	CTCP Đức Long Tây Nguyên	117-119-121 Trần Phú, P.Diên Hồng, TP Pleiku, Gia Lai	15	40

Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015 của DLG

4. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối DLG

Không có

V. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Các nhóm sản phẩm chính

Lĩnh vực sản xuất và chế biến gỗ:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành sản xuất và chế biến các sản phẩm gỗ. Các sản phẩm đồ gỗ của Đức Long Gia Lai đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến từ nhiều năm qua với sự phong phú về chủng loại và đa dạng về mẫu mã. Bên cạnh đó tiêu chí về chất lượng luôn được đảm bảo, vì vậy trong nhiều năm qua sản phẩm của Công ty đã được tổ chức uy tín trao tặng nhiều giải thưởng về chất lượng.

Giải thưởng "Sao vàng đất Việt" năm 2004, 2006 và 2008 dành cho sản phẩm tiêu biểu Việt Nam do Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam trao tặng.

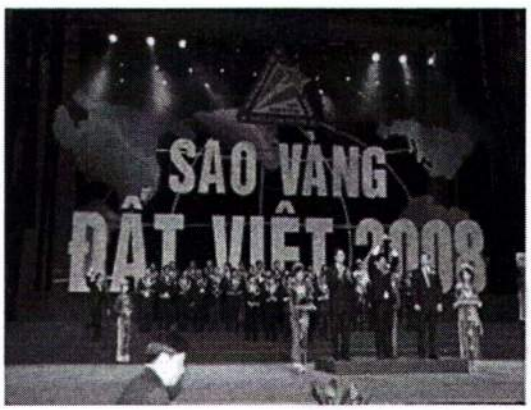

Cúp vàng ISO do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn và quy định quốc tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các sản Các sản phẩm gỗ bao gồm hai dòng sản phẩm chính là đồ gỗ nội thất và đồ gỗ ngoại thất sân vườn.

Đồ gỗ nội thất: chiếm tỷ trọng trên 50% doanh thu của mảng dịch vụ sản xuất và kinh doanh gỗ và được định hướng là dòng sản phẩm chiến lược mang lại doanh thu lớn và ổn định cho Đức Long Gia Lai trong những năm tiếp theo. Các sản phẩm của dòng đồ gỗ nội thất bao gồm nhóm hàng gia dụng như bàn, ghế, salon, giường, kệ tivi, ván lót sản, tủ các loại v.v. và nhóm hàng công trình như trần nhà, ván lót sàn, nội thất hội trường, quầy giao dịch ngân hàng v.v.

Đồ gỗ nội thất sân vườn: là dòng sản phẩm truyền thống của Công ty trong nhiều năm qua bao gồm các sản phẩm như bàn ngoài trời, ghế ngoài trời, ghế nằm, xe đẩy rượu v.v.

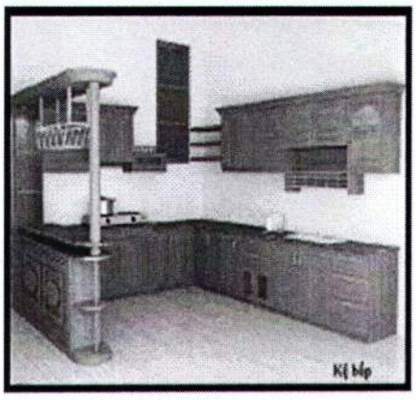

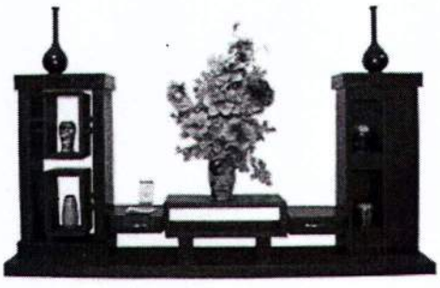

Sản xuất và chế biến đồ gỗ là lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Đức Long Gia Lai. Xác định là ngành cốt lõi nên Công ty đã huy động nhân lực và nội lực nhằm duy trì và tăng cường mở rộng đầu tư thêm, nổi bật là năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008, Đức Long Gia Lai đã tiến hành mua lại nhà máy sản xuất gỗ Xuân Phúc với tổng giá trị là 25 tỷ đồng. Đồng thời tiến hành nhập khẩu

dây chuyền sản xuất ván Veneer và chế biến sản phẩm gỗ với trị giá: 259.486,45 USD và 29.955 EUR.

Hiện tại, quy mô sản xuất của Đức Long Gia Lai bao gồm ba nhà máy chế biến gỗ được đặt tại Pleiku, Gia Lai với tổng công suất thiết kế lên đến 10.800 m^3/năm. Cụ thể như sau:

Bảng 5: Quy mô sản xuất 3 nhà máy chế biến gỗ của DLG tại Pleiku

Mỏ đá Bazan Xã Dun có diện tích trên 10 ha và trữ lượng gần 2 triệu m^3. Thời gian khai thác của mỏ là 30 năm, các sản phẩm đá khai thác bao gồm đá oplat, đá dăm, đá hộc theo tiêu chuận vật liệu xây dựng thông thường.

Lĩnh vực dịch vụ thương mại:

Đức Long Gia Lai thực hiện kinh doanh dịch vụ thương mại như: kinh doanh nhựa đường, bê tông nhựa đường, bê tông xi măng; phân bón, xăng dầu, vật tư và thiết bị; kinh doanh khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày v.v. Lĩnh vực dịch vụ thương mại đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận hàng năm của Đức Long Gia Lai, phù hợp theo định hướng phát triển Đức Long Gia Lai trở thành tập đoàn đa ngành hàng đầu của Việt Nam.

Các lĩnh vực kinh doanh khác:

Các lĩnh vực kinh doanh khác của Đức Long Gia Lai bao gồm đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn resort, sản xuất và kinh doanh điện, trồng cây cao su và các cây Nông nghiệp ngắn ngày v.v. Các mảng dịch vụ kinh doanh này hầu hết nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của Đức Long Gia Lai và đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng.

Đối với mảng kinh doanh bất động sản, Tập đoàn đã có kế hoạch xâm nhập thị trường bất động sản tại TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Hiện tại, quỹ đất của tập đoàn đã có, tuy nhiên với diễn biến chung của thị trường bất động sản chưa thuận lợi nên tạm thời chưa khởi công, chờ thời gian thích hợp sẽ triển khai.

Ở mảng kinh doanh dịch vụ khách sạn và resort, tập đoàn đang tập trung triển khai mạnh các dự án ở một số khu vực trọng điểm của Miền Trung như Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định v.v. Trong đó, phải kể đến các dự án như khách sạn 4 sao Đức Long – Dung Quất hoặc Đức Long Mỹ Khê tọa lạc ở trên bãi biển Mỹ Khê, Đà Nẵng.

Ở mạng kinh doanh thủy điện, Tập đoàn Đức Long Gia Lai mong muốn mảng kinh doanh thủy điện sẽ mang lại nguồn lực lớn trong tương lai trong hoàn cảnh nhu cầu phát triển của xã hội không ngừng nâng cao, góp phần ổn định an ninh năng lượng quốc gia.

Với lĩnh vực trồng cây cao su và và các cây Nông nghiệp ngắn ngày, Tập đoàn đã trồng và chăm sóc thành công khoảng 20.000 hec ta cây cao su ở Gia Lai, Đăk Nông và xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây cao su phục vụ nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã tiến hành trồng cây nông nghiệp ngắn ngày (trồng bắp) với kế hoạch phát triển mở rộng lên 2000 ha trong năm 2015 và 4000 ha trong năm 2016 tại Tây Nguyên và tỉnh Sekong Laos.

2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất năm 2013, 2014 và Quý I/2015

TT	Hoạt động	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
1	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	235.947.814.864	29,43%	323.447.420.562	32,16%	17.510.770.909	5,14%
2	Hoạt động khai thác đá	50.099.231.250	6,25%	9.162.518.979	0,91%	6.783.580.000	1,99%
3	Dịch vụ bến xe & xe buýt	21.398.935.132	2,67%	23.297.791.701	2,32%	6.289.587.301	1,85%
4	Dịch vụ thương mại	250.025.366.616	31,18%	613.955.619.056	61,04%	277.431.293.089	81,45%

TT	Hoạt động	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
5	Kinh doanh khác	244.288.179.406	30,47%	35.945.853.268	3,57%	32.609.359.585	9,57%
	Tổng cộng	**801.759.527.268**	**100%**	**1.005.809.203.566**	**100%**	**340.624.590.884**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014 và BCTC tự lập Quý I/2015

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2013, 2014 và Quý I/2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
1	Bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	26.435.870.295	30,95%	22.879.304.563	21,63%	381.681.917	1,17%
2	Hoạt động khai thác đá	458.442.349	0,54%	894.447.930	0,85%	3.149.804.052	9,66%
3	Dịch vụ bến xe & xe buýt	9.187.800.650	10,76%	6.221.284.127	5,88%	3.090.521.366	9,48%
4	Dịch vụ thương mại	12.315.179.025	14,42%	95.428.404.036	90,21%	17.394.033.156	53,36%
5	Kinh doanh khác	37.028.411.839	43,35%	-19.640.859.444	-18,57%	8.584.429.951	26,33%
	Tổng cộng	**85.425.704.158**	**100%**	**105.782.581.212**	**100%**	**32.600.470.442**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014 và BCTC tự lập Quý I/2015

Chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế khó khăn chung của đất nước, để duy trì được doanh số bán hàng, giảm thiểu rủi ro, Công ty đã chủ động duy trì và củng cố các ngành nghề kinh doanh cốt lõi của mình như sản xuất chế biến gỗ, khai thác đá, bến xe bãi đỗ. Trong năm 2013 và 2014, tỷ trọng doanh thu của ngành kinh doanh gỗ và dịch vụ thương mại tiếp tục những chiếm tỷ trọng lớn. Trong năm 2014, tuy doanh thu ngành kinh doanh gỗ tăng nhẹ so với năm 2013, chiếm tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần của Công ty là 32,16% so với 29,43% trong năm 2013, nhưng chỉ đóng góp 21,63% trong tổng lợi nhuận gộp. Tỷ trọng doanh thu từ ngành thương mại tăng nhanh cả về giá trị lẫn tỷ trọng. Năm 2014, doanh thu thương mại đạt xấp xỉ 614 tỷ đồng, đóng góp 90,21% trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty.

3. Nguyên vật liệu

Nguyên liệu gỗ:

Hiện nay tỉnh Gia Lai có chỉ tiêu khai thác gỗ hàng năm vào khoảng từ 75 ngàn đến 100 ngàn m^3. Một số lượng gỗ khá lớn trong chỉ tiêu này đã được các doanh nghiệp ngoài tỉnh tiêu thụ cho chế biến. Bên cạnh đó, Công ty cũng có thể tham gia đấu thầu mua nguyên vật liệu gỗ cho các tỉnh như KomTum, Đắk Lắk v.v. Mặt khác, các doanh nghiệp của tỉnh đã được Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ thương mại, Cục Hải quan và Cục kiểm lâm cho phép chủ trương nhập khẩu gỗ của các nước trong khu vực lân cận như Campuchia, Lào, Malaysia v.v. với khối lượng hàng năm rất lớn và các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ hiện nay chủ yếu bán lại gỗ tròn kể cả cho xuất khẩu. Do vậy Công ty không gặp phải sự khó khăn về nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào trong khoảng thời gian từ 10 đến 20 năm. Đặc biệt Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất ván ghép là công nghệ có khả năng tận dụng nguồn nguyên liệu gỗ cành nhọn mà hiện nay chưa được tận dụng triệt để.

Bảng 8: Một số nhà cung cấp chính của DLG

STT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
1	Gỗ	Cty TNHH MTV Việt Gia Phát
2	Gỗ	DNTN Như Ý
3	Gỗ	DNTN Tuấn Duy
4	Gỗ	Cty TNHH MTV An Phước: TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
5	Gỗ	Công ty TNHH Trí Tín
6	Gỗ	Công ty TNHH Trung Đông
7	Gỗ	Công ty TNHH cung ứng nguyên liệu, vật tư và thiết bị Tây Nguyên
8	Gỗ	Công ty TNHH Tân Hoa
9	Gỗ	CT CP Tổng hợp Bắc Hà
10	Gỗ	Công ty CP Phú Tài

Nguồn: DLG

Nguyên liệu đá:

Đây là ngành khai thác tài nguyên, do đó việc sở hữu mỏ đá nguyên liệu chính là nhân tố thành công trong kế hoạch sản xuất kinh doanh ngành đá. Hiện nay Công ty đang sở hữu 2 mỏ đá nguyên liệu là mỏ đá Granite Nghĩa Hưng và mỏ đá Bazan xã Dun, và trong thời gian tới Công ty sẽ tiến hành khảo sát và xin cấp phép khai thác thêm một số mỏ đá nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai và khu vực Tây Nguyên.

Nguyên liệu kinh doanh bến xe

Hoạt động kinh doanh của Bến xe Đức Long Gia Lai chủ yếu là cung cấp dịch vụ bến bãi, dịch vụ ra vào bến cho các tuyến xe liên tỉnh, liên huyện tại địa bàn tỉnh Gia Lai. Đây có thể coi là hoạt động dịch vụ thuần tuý nên nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh là các doanh nghiệp vận tải sử dụng dịch vụ của Công ty. Các dịch vụ của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ bãi đỗ
- Dịch vụ ra vào bến
- Dịch vụ xe buýt
- Dịch vụ nhà nghỉ
- Dịch vụ ăn uống
- Dịch vụ cho thuê kios
- Dịch vụ cho thuê quầy bán vé v.v.

4. Trình độ công nghệ

Quy trình sản xuất đồ gỗ:

Biểu đồ 5: Quy trình mua nguyên liệu gỗ

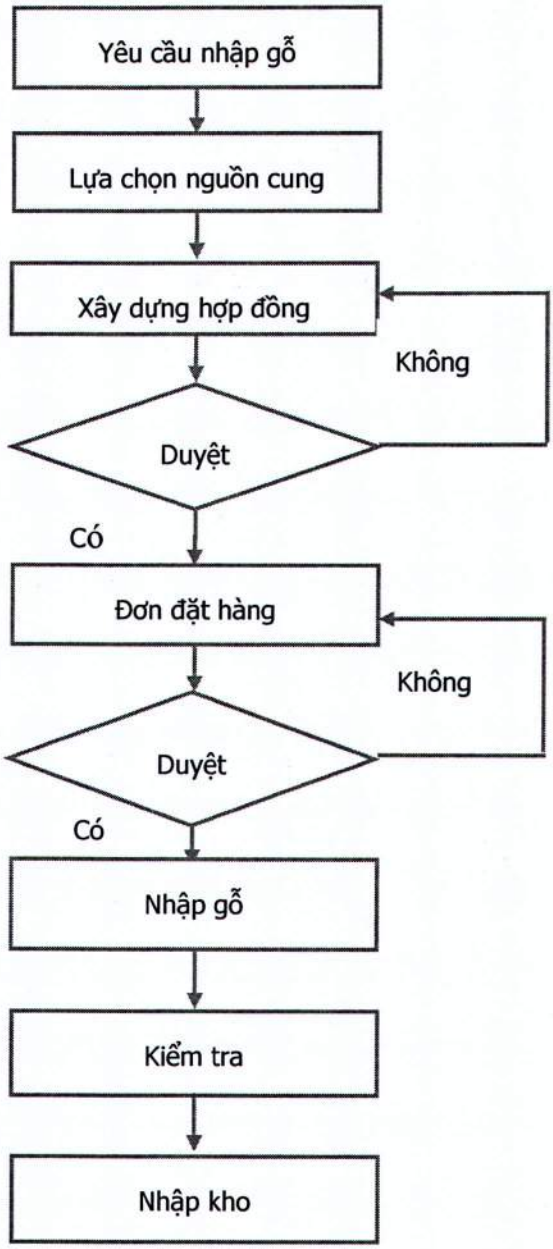

Nguồn: DLG

Biểu đồ 6: Quy trình cung ứng vật liệu gỗ cho sản xuất

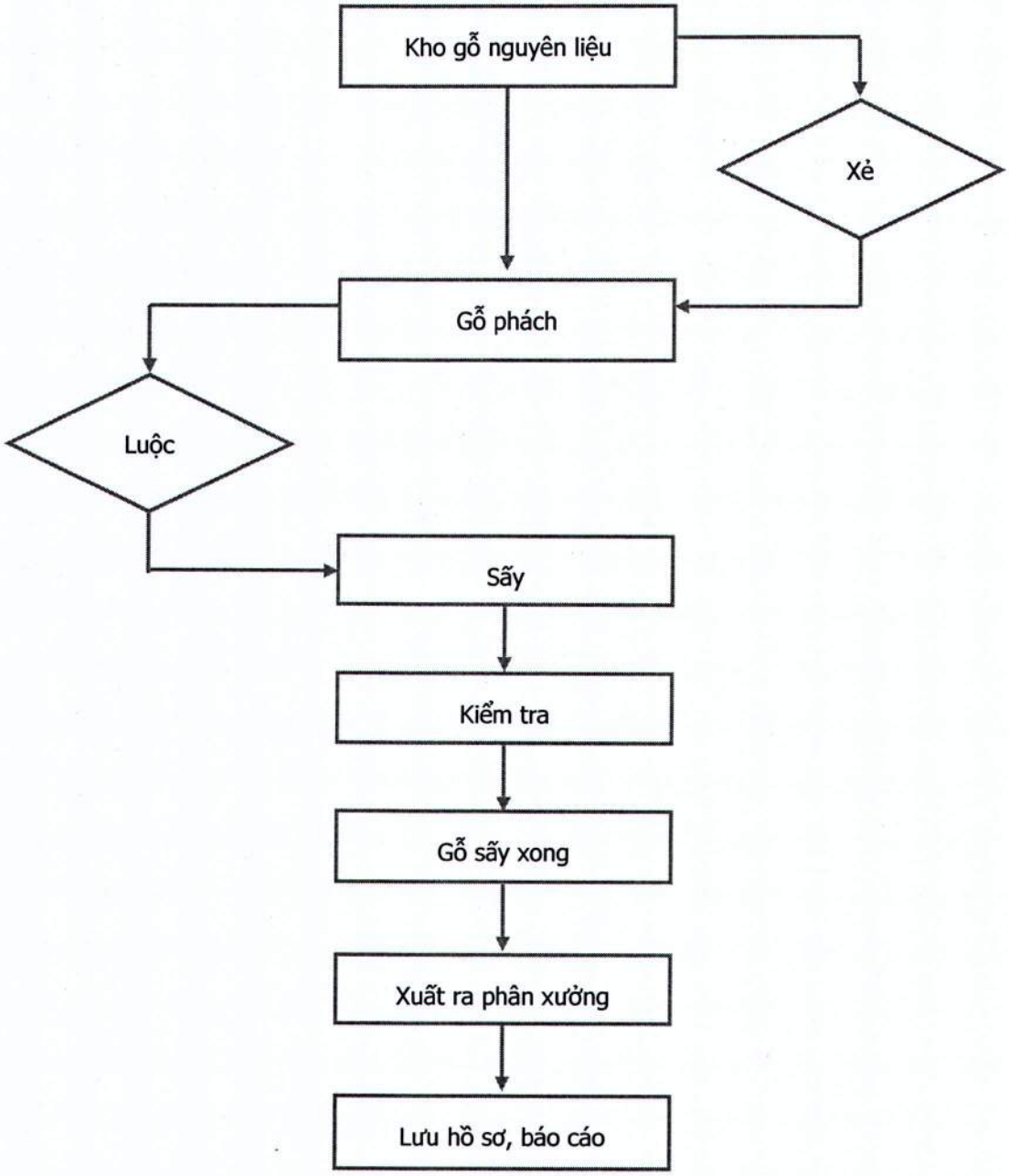

Nguồn: DLG

Biểu đồ 7: Quy trình sản xuất

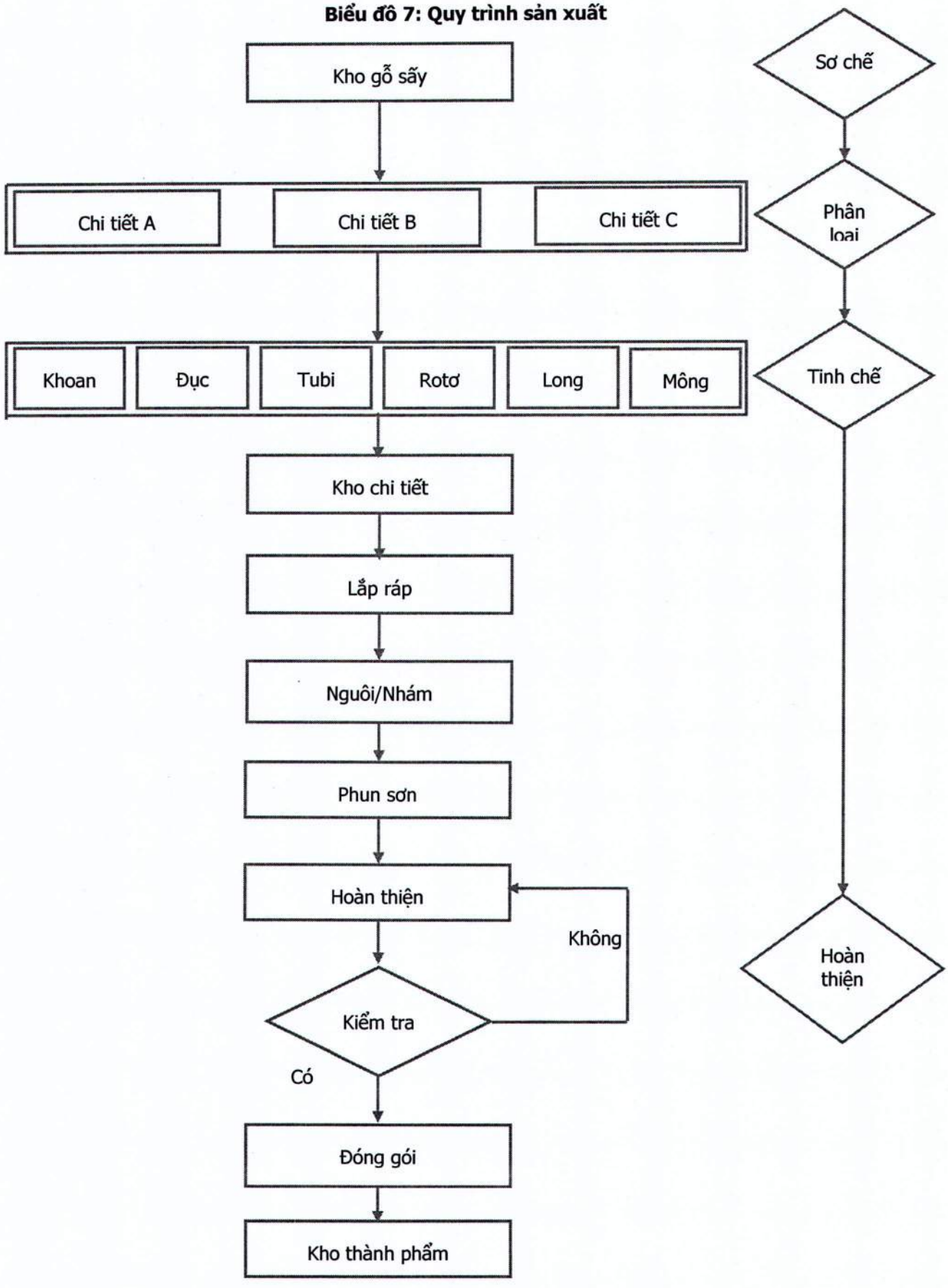

Nguồn: DLG

Bảng 9: Một số máy móc thiết bị sản xuất và chế biến gỗ của DLG

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
1	Máy mài dao xén MFB-2535A	Đài Loan	2008	18	Hoạt động tốt
2	Khoan mắn 6 mũi	Đài Loan	2008	41	Hoạt động tốt
3	Hệ thống thiết bị lò hơi	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
4	Máy CBG taiwan 1.030.072.000g	Đài Loan	2008	15	Hoạt động tốt
5	Máy Router	Đài Loan	2008	33	Hoạt động tốt
6	Máy biến áp hạ áp 180 KV-400V/2	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
7	Máy bơm	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
8	Máy bơm hơi	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
9	Máy bào	Đài Loan	2008	16	Hoạt động tốt
10	Máy bào, cuốn, cưa	Đài Loan	2008	18	Hoạt động tốt
11	Máy chà nhám	Đài Loan	2008	14	Hoạt động tốt
12	Máy cưa cong	Nhật Bản	2008	19	Hoạt động tốt
13	Máy cưa, máy bào	Nhật Bản	2008	29	Hoạt động tốt
14	Máy cắt	Nhật Bản	2008	6	Hoạt động tốt
15	Máy ghép cạnh	Nhật Bản	2008	4	Hoạt động tốt
16	Máy mài dao	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
17	Máy nén khí	Nhật Bản	2008	7	Hoạt động tốt
18	Máy song đao	Đài Loan	2008	6	Hoạt động tốt
19	Máy thẩm	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
20	Máy đóng kiện	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
21	Máy đục mộng	Đài Loan	2008	18	Hoạt động tốt
22	Dây chuyền sơn tĩnh điện	Nhật Bản	2004	3	Hoạt động tốt
23	Dây chuyền sơn ván sàn	Nhật Bản	2004	3	Hoạt động tốt
24	Máy phay kim loại	Đài Loan	2008	2	Hoạt động tốt
25	Máy CD	Đài Loan	2008	2	Hoạt động tốt
26	Xe lu nhỏ cầm tay	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
27	Máy tiện	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
28	Băng tải máy chà nhám	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
29	Máy ghép mí Verneer	Đài Loan	2008	1	Hoạt động tốt
30	Máy ghép Verneer	Đài Loan	2008	1	Hoạt động tốt
31	Máy cấp phôi	Đàu Loan	2008	5	Hoạt động tốt
32	Máy dán cạnh	Đài Loan	2008	4	Hoạt động tốt
33	Máy ép nguội	Đài Loan	2008	4	Hoạt động tốt
34	Máy ép nóng	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
35	Máy xén cạnh	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
36	Máy len keo	Đài Loan	2008	3	Hoạt động tốt
37	Tu bi	Đài Loan	2008	13	Hoạt động tốt

Nguồn: DLG

Quy trình sản xuất và chế biến đá Granite của DLG

Để phục vụ cho hoạt động khai thác, DLG đã chú trọng đầu tư những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc v.v. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước.

Đá block tự nhiên sau khi được khai thác sẽ được vận chuyển bằng cẩu cổng 35 tấn, đưa vào máy Gang-saw hoặc máy cưa chùm để xẻ tùy theo quy cách nguyên liệu. Sau khi xẻ, đá sẽ ra thành từng tấm, có hình thù như một mặt phẳng tứ giác, độ dày tùy loại theo đơn đặt hàng. Đá xẻ xong thành từng tấm sẽ được đưa vào đánh bóng. Sau khi đánh bóng, đá sẽ có bề mặt bằng phẳng, sáng bóng theo đúng chuẩn màu sắc của đá. Sau khi thực hiện xong đánh bóng, sản phẩm được xem như đã hoàn thành. Tuy nhiên, tùy theo đặt hàng, đá sẽ được cắt ra thành từng tấm nhỏ với quy cách cụ thể theo từng loại. Sau khi cắt quy cách xong, sản phẩm được xem như hoàn thành.

Biểu đồ 8: Quy trình sản xuất đá

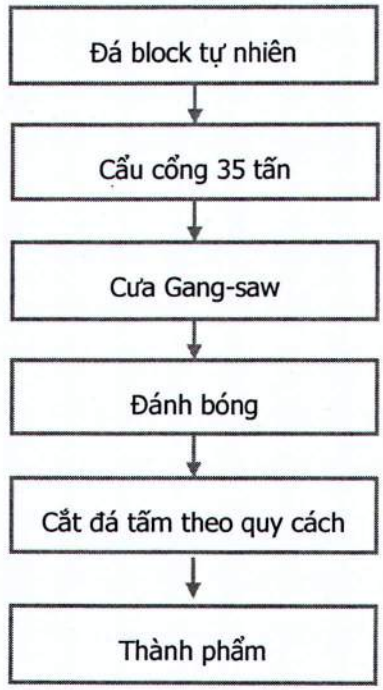

Nguồn: DLG

Bảng 10: Một số máy móc thiết bị sản xuất và chế biến đá của DLG

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
1	Đầu răng cưa đá	Nhật Bản	2008	5	Hoạt động tốt
2	Máy cưa cầu	Trung Quốc	2008	1	Hoạt động tốt
3	Máy cưa trụ	Trung Quốc	2008	8	Hoạt động tốt
4	Máy đánh bóng bằng tay có trụ thép	Trung Quốc	2008	4	Hoạt động tốt
5	Máy cắt quy cách	Trung Quốc	2007	2	Hoạt động tốt
6	Máy hàn Segmente	Trung Quốc	2007	1	Hoạt động tốt
7	Dây chuyền chế biến đá ốp lát Granit	Italia	2008	1	Hoạt động tốt
8	Cổng trục dầm đôi hai conxoong tải trọng nâng 30 tấn	Nhật Bản	2005	1	Hoạt động tốt
9	Cầu trục dầm đơn tải trọng nâng 3 tấn	Nhật Bản	2005	2	Hoạt động tốt
10	Máy cưa dĩa (01 lưỡi)	Trung Quốc	2008	2	Hoạt động tốt
11	Máy đánh bóng (17 đầu mài)	Nhật Bản	2007	1	Hoạt động tốt
12	Lưỡi cưa	Nhật Bản	2007	9	Hoạt động tốt

TT	Loại máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (cái)	Hiện trạng kỹ thuật
13	Máy khoan bàn lớn	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt
14	Máy khoan bàn nhỏ	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt
15	Máy hàn điện	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt
16	Lưỡi cưa máy găng xô	Nhật Bản	2008	400	Hoạt động tốt
17	Lưỡi cắt quy cách	Nhật Bản	2008	3	Hoạt động tốt
18	Máy căng thủy lực dùng cho lưỡi cưa	Nhật Bản	2008	1	Hoạt động tốt

Nguồn: DLG

5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, hệ thống quản lý CoC-FSC và ứng dụng công nghệ quản trị "Lean production", Six Sigma (define, measure, analyze, improve, control) và ERP (enterprise resource planning), Đức Long Gia Lai cam kết tất cả khách hàng sẽ được cung cấp các sản phẩm đúng theo yêu cầu và cam kết ban đầu, đáp ứng tính năng sử dụng, kiểu dáng, độ an toàn cũng như các chế độ đối với từng sản phẩm. Đồng thời, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu thay đổi của khách hàng về mẫu mã, số lượng, thời gian và phương thức giao nhận.

DLG tiếp tục đầu tư thêm trang thiết bị, máy chuyên dùng và công nghệ mới nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng; quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ nhân lực; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt.

6. Hoạt động marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, DLG cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Với phương châm "Mỗi một phòng ban, mỗi một cán bộ đều phải có ý thức giữ gìn, nâng cao vị thế và thương hiệu sản phẩm, hình ảnh của Công ty", trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay thương hiệu "Đức Long" đã được nhiều người biết đến trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng và cả nước nói chung thông qua một số sản phẩm và dịch vụ như đồ gỗ Đức Long, đồ đá Đức Long, Bến xe Đức Long, xe buýt Đức Long,..

7. Nhãn hiệu thương mại

Logo của DLG: được cấu thành bởi hình Elip bên ngoài, một gạch chéo bên trong màu vàng kim loại.

Slogan của DLG: "Đi là Đến" nêu cao tinh thần làm việc của Đức Long Gia Lai, làm việc là phải đến cùng, công việc phải kết thúc thành công.

DUCLONG GROUP

8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

ĐVT: tỷ đồng

TT	Sản phẩm dịch vụ ký kết	GT HĐ	Tên đối tác trong hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
1	Indoor furniture	2	Bộ tư lệnh – Quân đoàn 3	27/12/2012	Mùa hàng năm 2012-2013
2	Indoor furniture	0,8	Tổng công ty 15 (Binh đoàn 15)	18/10/2013	Mùa hàng năm 2013
3	Indoor furniture	1,5	Công ty cà phê 15 – Quân khu 5	20/11/2012	Mùa hàng năm 2012-2013
4	Indoor furniture	3,6	Bộ tư lệnh quân khu 5	20/12/2012	Mùa hàng năm 2012-2013
5	Indoor furniture	4	Công ty Sóng Hồng	25/12/2012	Mùa hàng năm 2012-2013
6	Indoor furniture	3	DNTN Du lịch Lữ hành & Đầu tư xây dựng NHHTC (Đống Đa-Hà Nội)	15/12/2012	Mùa hàng năm 2012-2013
7	Indoor furniture	4	Cửa hàng kinh doanh đồ gỗ ĐLGL	20/12/2012	Mùa hàng năm 2012-2013
8	KDTM phân bón các loại	250	CTCP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	20/10/2013	Mùa hàng năm 2013-2014
9	KDTM phân bón các loại	150	CTCP TM XNK Thăng Long	10/01/2014	Mùa hàng năm 2014
10	Thi công CTGT BOT	135	CTCP Đức Thành GL – CN Bình Phước	20/09/2012	2010-2014
11	Thi công CTGT BOT	170	CTCP Đức Phú	17/10/2012	2012-2014

Nguồn: DLG

9. Lao động

Số lượng người lao động

Tính đến thời điểm ngày 31/3/2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai có 5.278 lao động, với cơ cấu như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động thời điểm 31/3/2015

Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Số nhân sự trong Công ty	5.277	
Phân theo trình độ chuyên môn		
• Đại học và trên đại học	233	4,4
• Cao đẳng – Trung cấp chuyên nghiệp	95	1,8
• Sơ cấp – Công nhân kĩ thuật	600	11,4

Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
• Lao động phổ thông	4.349	82,4

Nguồn: DLG

Chính sách đối với người lao động

Mức lương bình quân

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	5.500.000	6.000.000	7.000.000
2	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.000.000	6.300.000	7.500.000

Nguồn: DLG

Mức lương bình quân của CB-NV Công ty nằm ở mức khá so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

Chính sách tuyển dụng

Được Công ty sử dụng khá linh hoạt với nhiều cách thức "tuyển" để "dụng" với những tiêu chí tuyển dụng công khai, minh bạch v.v. Với thông điệp "ĐỨC LONG - nơi hội tụ nhân tài", đảm bảo số lượng và chất lượng nhân sự đầu vào có chất lượng cao mặc dù thị trường nhân sự trong lĩnh vực Công ty đang hoạt động ngày càng khan hiếm. Công tác tuyển dụng: được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn dựa trên nguyên tắc tạo cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên, thực hiện theo quy trình tuyển dụng của Công ty.

Chính sách đào tạo:

Đào tạo và phát triển nhân viên là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Đào tạo để cùng đồng hành và phát triển với Công ty được coi là chính sách quan trọng. Công ty luôn quan tâm và coi trọng chính sách đào tạo trong từng thời kỳ phát triển của Công ty, đào tạo là phương thức hỗ trợ CB-NV phát triển nghề nghiệp. Mỗi CB-NV đều được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo tại Công ty hoặc bên ngoài.

Dựa vào nội dung của từng khóa học, học viên sẽ được đào tạo thông qua các phương pháp đào tạo phù hợp, như: học lý thuyết, thảo luận, tiếp cận thực tế đưa ra các tình huống cụ thể sát với thực tế để giải quyết, hoặc kết hợp ngoại khóa v.v. Cuối mỗi khóa đào tạo, học viên đều phải viết bài thu hoạch và báo cáo kết quả học tập về cho Ban Lãnh đạo công ty.

CB-CNV làm việc từ 6 tháng trở lên được tham gia đào tạo ngắn hạn trong nước theo kế hoạch đào tạo nghiệp vụ hàng năm, đào tạo đột xuất theo nhu cầu của đơn vị và bằng các hình thức như đào tạo thông qua luân chuyển công tác, bố trí tham gia các ban dự án, chương trình để nhân viên có điều kiện phát huy khả năng và học hỏi kinh nghiệm tích lũy kiến thức, phát triển chuyên môn và nghề nghiệp theo định hướng của Công ty.

Thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:

Tại Công ty, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng. Công ty có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những cán bộ, nhân viên có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo đơn vị đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho công ty. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ

sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Công ty trong những năm tiếp theo.

Công ty có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ (6 tháng/lần) qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.

Chính sách tiền lương:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện. Do đó, tại Công ty người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Hàng năm, người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên sẽ được xem xét điều chỉnh tăng lương sao cho phù hợp với mức tăng của hệ số trượt giá.

Chính sách thưởng:

Công ty thực hiện chế độ khen thưởng cho nhân viên căn cứ trên năng lực làm việc của mình. Công ty có chính sách thưởng bằng hiện kim thông qua việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, năm, xem xét quá trình công tác, đạt hiệu quả cao, thành tích tiêu biểu. Đồng thời, công ty cũng có chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích nổi bật trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của công ty, có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong việc phát triển công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách đề xuất thưởng theo danh hiệu thi đua của nhà nước đối với những tập thể và cá nhân có những thành tích xuất sắc vượt bậc theo tiêu chuẩn chung của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Kết quả thi đua khen thưởng của CB-NV được sử dụng làm cơ sở để thực hiện các chính sách của công ty, như: quy hoạch, đào tạo nguồn dự trữ kế thừa, nâng cao; nâng bậc lương trước thời hạn; đề bạt, bố trí chức vụ cao hơn.

Chính sách phúc lợi:

Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được Công ty quan tâm hàng đầu. Công ty đảm bảo các chế độ, chính sách được trả bằng hoặc cao hơn yêu cầu của pháp luật lao động. Tất cả các cán bộ nhân viên chính thức của Công ty đều được đảm bảo thụ hưởng các chế độ chính sách phù hợp với Luật lao động Việt Nam, ngoài ra cán bộ nhân viên của Công ty còn được nhận các chế độ phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty, được điều chỉnh hàng năm và có những chế độ như: thưởng các dịp Lễ, Tết, lương tháng 13, trợ cấp thâm niên, tham quan nghỉ mát, sinh nhật, kết hôn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ khó khăn; được tham gia các hoạt động tổ chức Công đoàn, văn thể mỹ, thể dục thể thao.

Môi trường - điều kiện làm việc:

Với phương châm "Con người là yếu tố cốt lõi của sự cạnh tranh", DLG luôn hướng đến một môi trường làm việc hiện đại và chuyên nghiệp, nơi thật sự tôn vinh những tài năng và giá trị con người. Công ty không ngừng xây dựng một môi trường làm việc:

- Giao tiếp cởi mở và tôn trọng;
- Công việc thách thức và sáng tạo;
- Thu nhập cạnh tranh và công bằng;
- Cơ hội học tập /thăng tiến rõ ràng và không giới hạn;
- Thành tích được đánh giá khách quan và khoa học;
- Công việc ổn định và được chăm sóc chu đáo.

DLG luôn chú tâm duy trì không khí thoải mái, vui vẻ khi làm việc. Các hoạt động thường xuyên được tổ chức như: các giải thể thao, văn nghệ, tổ chức sinh nhật cho CBNV, ngày Hội gia đình và các hoạt động sinh hoạt như dự các ngày lễ truyền thống của đất nước và Công ty, các hoạt động chung vì cộng đồng v.v.

VI. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và 2014 và quý I 2015

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của DLG

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	Quý I 2015
1	Tổng giá trị tài sản	2.420.313	4.111.651	70,00%	4.637.966
2	Doanh thu thuần	801.759	1.005.809	25,45%	340.625
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.087	47.477	4267,71%	31.629
4	Lợi nhuận khác	7.468	5.180	-30,64%	(523)
5	Lợi nhuận trước thuế	7.863	52.609	569,07%	31.106
6	Lợi nhuận sau thuế	1.676	54.267	3137,89%	25.482
7	Tỷ lệ trả cổ tức	6%			

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014 và BCTC tự lập quý I 2015

Năm 2014, tình hình kinh doanh của Công ty đã cải thiện mạnh mẽ khi tổng giá trị tài sản gia tăng 70% lên 4.111 tỉ đồng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế đều đạt mức tăng mạnh lần lượt là 4268% và 3138%.

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai trong những năm qua

Thuận lợi

- Việc hội nhập sâu rộng của Việt Nam đã mở ra cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu cho các ngành nghề nói chung và ngành chế biến và khai thác gỗ nói riêng.

- Chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ kịp thời và đúng định hướng đã hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong giai đoạn kinh tế khó khăn vừa qua. Đồng thời, Chính phủ ngày càng bổ sung, hoàn thiện những chính sách, hướng dẫn khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, mở rộng đầu tư sang lĩnh vực khác.

- Đức Long Gia Lai đã có bề dày kinh nghiệm về ngành kinh doanh truyền thống gần 20 năm. Là doanh nghiệp hàng đầu tại địa bàn tỉnh Gia Lai, doanh nghiệp đã gầy dựng và khẳng định được uy tín trên thương trường về chất lượng sản phẩm/dịch vụ như đồ nội thất, sản phẩm đá, dịch vụ bến xe v.v. và uy tín đó tiếp tục được duy trì và phát huy ở những ngành nghề kinh doanh mới.

- Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

Khó khăn

- Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đang giai đoạn hết sức khó khăn và còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Dẫn đến biến động tỷ giá và lãi suất, giá nguyên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chính sách đóng cửa rừng của Chính phủ, nguồn nguyên liệu đầu vào cho ngành chế biến gỗ của Đức Long Gia Lai đã ít nhiều bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó vị trí tọa lạc của Nhà máy sản xuất gỗ của Công ty tại Gia Lai rất xa cảng và thị trường phụ liệu phụ kiện cho ngành sản xuất nói trên. Mất dần lợi thế về nguồn nguyên vật liệu đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngành sản xuất truyền thống của Công ty trong thời gian gần đây.

3. Các chỉ tiêu cơ bản

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay Công ty đang được các Ngân hàng đánh giá rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay. Vào thời điểm 31/12/2014, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong năm 2013, 2014 và Quý I/2015 như sau:

Bảng 14: Các khoản thuế phải nộp

ĐVT: Triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/3/2015
1	Thuế GTGT đầu ra	15.568	8.070	6.294
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.055	1.331	1.310
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.704	20.215	20.178
4	Thuế tài nguyên	33	261	249
5	Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	102	12
7	Các khoản phải nộp khác	6	1.124	764
	Tổng cộng	**34.366**	**31.103**	**28.807**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

Trích lập các quỹ theo quy định

Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm.

Hiện Công ty đang trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được dùng để chia cổ tức cho các cổ đông.

Bảng 15: Số dư các quỹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/3/2015
Quỹ đầu tư phát triển	13.778.680.446	6.804.570.446	11.134.542.824
Quỹ dự phòng tài chính	4.329.972.378	4.329.972.378	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	436.122.413	1.254.910.259	1.215.610.259

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

Tổng dư nợ vay

Công ty không có nợ quá hạn

Bảng 16: Tình hình dư nợ vay đến 31/3/2015

Đơn vị: Triệu VND

Đối tượng cho vay	31/12/2013	31/12/2014	31/3/2015
1. Vay và nợ ngắn hạn	118.341	148.741	86.007
- Vay ngắn hạn	118.341	148.741	86.007
(NH TMCP Công Thương – CN Gia Lai)	39.680	37.260	35.513
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Gia Lai)	63.701	90.222	32.900
(NH TMCP Ngoại Thương – CN Gia Lai)	6.635	11.335	8.635
(NH Eximbank – CN Tân Sơn Nhất)	5.000	4.500	4.000
(NH TMCP Kỹ thương VN- CN Gia Lai)	150	163	113
(NH TMCP quốc dân)	-	1.288	907
(NH TMCP Sài Gòn Hà Nội -CN Gia Lai)	-	2.800	2.800
(NH HD Bank- CN Đắk Lắk)	120	120	90
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	1.386	405	399
(Vay cá nhân, vay các đối tượng khác)	600	650	650
(NH TM CP XNK VN- CN Tân Sơn Nhất)	600	0	0
(Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt			

Đối tượng cho vay	31/12/2013	31/12/2014	31/3/2015
Nam- CN Đắknong)	171	0	0
(NH Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Đăknong)	298	0	0
2. Vay và nợ dài hạn	**1.043.505**	**1.795.542**	**2.303.032**
- Vay dài hạn	1.043.505	1.795.542	2.303.032
(NH TMCP Công Thương – CN Gia Lai)	169.605	499.075	614.565
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Gia Lai)	598.246	1.003.301	900.457
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN Gia Lai)	25.043	39.736	42.585
(NH Sài Gòn Thương Tín – CN HCM)	247.993	247.993	247.993
(NH TMCP Việt Á – CN Quảng Ngãi)	-	-	-
(NH TMCP Kỹ Thương – CN Gia Lai)	450	300	300
(NH Eximbank – CN Tân Sơn Nhất)	1.688	-	-
(NH ĐT&PT Việt Nam – CN Đắk Nông)	-	-	-
(NH HD Bank tỉnh Đắk Lắk)	480	360	360
(NG TMCP Quốc Dân – SGD)	-	4.776	5.216
Trái phiếu phát hành			491.556

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

Về số lượng trái phiếu đến hạn phải trả

Năm 2011 Công ty đã phát hành thành công 2.134.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, tương ứng với số tiền 213.400.000.000 đồng.

Năm 2012 Công ty đã chuyển đổi thành công 1.854.110 trái phiếu sang cổ phiếu. Số lượng trái phiếu còn lại là 279.890 trái phiếu, tương ứng với 27.989.000.000 đồng. Số liệu này được thể hiện ở mục "Trái phiếu phát hành đến hạn trả" tại ngày 31/12/2012 trên thuyết minh BCTC hợp nhất năm 2012 đã kiểm toán của Công ty. Trong Bản công bố thông tin, số liệu này được thể hiện tại bảng trên về tình hình dư nợ vay.

Tháng 9/2013 Công ty tiếp tục chuyển đổi thành công 265.979 trái phiếu sang cổ phiếu. Số lượng trái phiếu còn lại sau hai lần chuyển đổi là 13.911 trái phiếu, tương ứng với 1.391.100.000 đồng. Ngày 12/11/2013 Công ty đã có văn bản số 448/2013/CV-DLG gửi UBCKNN cam kết không tiến hành chuyển đổi số lượng 13.911 trái phiếu còn lại nêu trên, đồng thời cam kết chi trả gốc và lãi cho các trái chủ. Từ 12/11/2013 – 31/12/2013 Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ với số tiền là 5.397.900 đồng. Số tiền còn lại là 1.385.702.100 đồng được thể hiện ở mục "Trái phiếu phát hành đến hạn trả" tại ngày 31/12/2013 trên thuyết minh BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 của Công ty. Trong Bản công bố thông tin này, số liệu này được làm tròn là 1.386 triệu đồng và thể hiện ở bảng trên.

Từ 01/01/2014 – 31/03/2014: Công ty đã chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ với số tiền là 97.302.100 đồng. Số tiền còn lại là 1.288.400.000 đồng được thể hiện ở mục "Trái phiếu phát hành đến hạn trả" tại ngày 31/03/2014 trên thuyết minh BCTC hợp nhất quý 1/2014 của Công ty.

Từ ngày 01/4/2014 – 31/12/2014: Công ty tiếp tục chuyển trả gốc và lãi cho các trái chủ số tiền là 88.900.000 đồng. Số tiền trái phiếu phát hành đến hạn trả còn lại là 404.500.000 đồng.

Đến thời điểm 31/3/2015: Số tiền trái phiếu phát hành đến hạn trả còn lại là 399.066.000 đồng. Đây chủ yếu là các trái chủ có số trái phiếu nhỏ lẻ và địa chỉ không rõ ràng. Công ty đang tìm mọi cách liên lạc với các trái chủ để thanh toán số tiền còn lại cho các trái chủ trong thời gian sớm nhất.

Tình hình công nợ

Bảng 17: Các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu VNĐ

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Phải thu ngắn hạn	**512.241**	**546.243**	**1.220.440**
Phải thu của khách hàng	293.003	251.509	489.698
Trả trước cho người bán	139.612	92.739	115.136
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	518.065
Phải thu ngắn hạn khác	85.113	210.817	105.179
Dự phòng phải thu khó đòi	-5.487	-8.822	-7.646
Tài sản thiếu chờ xử lý			9
Phải thu dài hạn	**0**	**0**	**219.660**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

Bảng 18: Các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu VNĐ

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Nợ ngắn hạn	**461.046**	**648.153**	**609.060**
Vay và nợ ngắn hạn	118.341	148.742	86.007
Phải trả cho người bán	141.768	205.487	326.536
Người mua trả tiền trước	20.292	8.708	3.289
Phải trả người lao động	6.841	5.359	1.787
Thuế và các khoản phải nộp NN	34.366	31.103	28.807
Chi phí phải trả	21.041	21.878	21.861

Nội dung	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-[4]	50
Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	117.961	225.764	139.507
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	436	1.112	1.216
Nợ dài hạn	**1.047.761**	**1.796.394**	**2.303.776**
Vay và nợ dài hạn	1.043.505	1.795.542	2.303.032
Phải trả dài hạn khác	4.007	725	724
Doanh thu chưa thực hiện	249	127	20

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính[5]

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Quý I 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	%	264,28%	293,37%	349,80%
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn]	%	191,91%	234,47%	311,24%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	62,34%	59,45%	62,80%
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	186,62%	156,84%	184,04%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	%	200,51%	251,61%	99,91%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	33,13%	24,46%	7,34%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,21%	5,40%	7,48%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,21%	3,48%	1,61%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,07%	1,32%	0,55%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	0,14%	4,72%	9,29%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VND	24	364	171

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2013 và năm 2014 và BCTC hợp nhất tự lập quý I/2015

[4] Theo BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015 của DLG, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn được ghi nhận là 96.600.756 đồng
[5] Vốn chủ sở hữu tại 31.3.2015 được sử dụng để tính các chỉ tiêu là số liệu được cung cấp tại bảng cân đối kế toán tại 31.3.2015 trừ đi lợi ích của cổ đông thiểu số trong quý I 2015

VII. CƠ CẤU TÀI SẢN

Hoạt động Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Bảng 20: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm thiết bị	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	7 – 10 năm
Phương tiện vận tải	8 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 7 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

Bảng 21: Cơ cấu tài sản tính tại 31/3/2015

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	**Tài sản cố định hữu hình**	**284.084.623.766**	**44.880.282.064**	**239.204.341.702**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	215.704.179.975	23.288.193.665	192.415.986.310
2	Máy móc thiết bị	31.367.998.311	2.840.464.246	28.527.534.065
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	35.775.880.740	18.175.677.800	17.600.202.940
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.236.564.740	575.946.353	660.618.387
B	**Tài sản cố định vô hình**	**54.616.314.763**	**390.969.971**	**54.225.344.792**
1	Quyền sử dụng đất lâu dài	53.536.754.270	28.780.400	53.507.973.870
2	Quyền khai thác mỏ đá Đăk Wei	617.689.701	41.675.099	576.014.602
3	Phần mềm máy tính	461.870.792	320.514.472	141.356.320
	Tổng cộng	**276.568.035.519**	**45.271.252.035**	**293.429.686.494**

Nguồn: BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015

Bảng 22: Danh mục đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/3/2015

Bất động sản	Quy mô	Mục đích sử dụng	Tình trạng
117 - 119 - 121 Trần Phú, TP. Pleiku, Gia Lai	1.195 m^2	Xây dựng cao ốc Đức Long tower	Sở hữu
120 - 120 A Trần Phú & 30B Nguyễn Trường Tộ, TP. Pleiku, Gia Lai	265,4 m^2	Trung tâm thương mại	Sở hữu
67 Ngô Thời Nhậm, TP. Pleiku, Gia Lai	2.626 m^2	Đất xây dựng	Sở hữu
QSDĐ số 01763 QSDĐ/632/2000/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế, TP. Pleiku, Gia Lai)	2.698 m^2	Xây dựng nhà xưởng	Sở hữu
QSDĐ số 01811 QSDĐ/86/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế, TP. Pleiku, Gia Lai)	1.759 m^2	Xây dựng nhà xưởng	Sở hữu
QSDĐ số 00724 QSDĐ/86/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế, TP. Pleiku, Gia Lai)	1.458 m^2	Xây dựng nhà xưởng	Sở hữu
QSDĐ số 01808 QSDĐ/75/2002/QĐ-UB (đường Lý Nam Đế, TP. Pleiku, Gia Lai)	4.702 m^2	Xây dựng nhà xưởng	Sở hữu
Xã IaTiêm, huyện Chư Sê, Gia Lai	534.390 m^2	Trồng cây cao su	Sở hữu
95 Hai Bà Trưng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	166,37 m^2	Khách sạn	Sở hữu
97 Hai Bà Trưng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	128 m^2	Khách sạn	Sở hữu
99 Hai Bà Trưng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	106,59 m^2	Khách sạn	Sở hữu
Đường An Dương Vương, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	9.935 m^2	Đất xây dựng	Sở hữu
Đường Lý Nam Đế, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	1.920 m^2	Xây dựng nhà xưởng	Sở hữu
97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Q, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	582,7 m^2	Đất xây dựng	Sở hữu

Nguồn: DLG

VIII. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của DLG năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2015, theo đó những chỉ tiêu đề ra trong năm 2015 đã bao gồm cả kế hoạch kinh doanh sau khi mua thành công Công ty Mass Noble Investments.

Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của DLG năm 2015

Chỉ tiêu	Năm 2015	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	2.500 tỷ đồng	148,51%
Lợi nhuận sau thuế	265 tỷ đồng	388,30%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,6%	
Cổ tức	700 đồng/ cổ phiếu	

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2015

IX. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức chuyên nghiệp, MSBS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của DLG.

Trên cơ sở thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của DLG, MSBS cho rằng kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của DLG dự kiến là phù hợp và khả thi nếu (i) DLG thực hiện đúng kế hoạch đầu tư; (ii) các nguồn vốn tín dụng và vốn vay của DLG ổn định và đủ để tài trợ cho các hoạt động của Tập đoàn và (ii) không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của DLG.

X. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Đức Long Gia Lai đã xác lập được một vị trí đáng kể trong ngành sản xuất và chế biến đồ gỗ. Đức Long Gia Lai là doanh nghiệp có sức cạnh tranh và hoạt động khá hiệu quả trong ngành gỗ và kinh doanh bến xe tại Gia Lai.

Về uy tín

Xét riêng tại địa bàn Gia Lai, có thể nói Đức Long Gia Lai là một trong những Công ty có uy tín hàng đầu. Thương hiệu Đức Long Gia Lai được biến đến rộng rãi từ một số sản phẩm và dịch vụ như Đồ gỗ Đức Long, Bến xe Đức Long, Khách sạn Đức Long, Xe buýt Đức Long... được người tiêu dùng (cá nhân, doanh nghiệp) tín nhiệm thông qua các đơn hàng ngày càng tăng, khẳng định uy tín, thương hiệu và sản phẩm ngày càng tăng.

Về nhân lực

Tập đoàn có đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, đoàn kết, năng động, tich cực đổi mới, nhạy bén trong nhận định tình hình và có tinh thần dám nghĩ, dám làm và mạnh dạn quyết định những bước đi có tính chất đột phá nhằm mục tiêu chiến lược của Công ty.

Đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao với công việc; luôn học hỏi cái mới, nâng cao trình độ chuyên môn để tự hoàn thiện và hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.

Về công nghệ sản xuất và thi công

Đức Long Gia Lai luôn đặt yếu tố chất lượng sản phẩm lên hàng đầu. Chính vì vậy ngay từ khi Công ty mới thành lập, Ban lãnh đạo luôn duy trì chính sách chất lượng thống nhất xuyên suốt quá trình công việc. Bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại đủ năng lực thi công các công trình phức tạp, Đức Long Gia Lai luôn chú trọng vào việc cải thiện quy trình làm việc.

Hiện nay, Đức Long Gia Lai đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý chất lượng LEAN. Công ty và các đơn vị thành viên của Đức Long Gia Lai đều tham gia vào việc cải thiện quy trình nghiệp vụ của Công ty.

2. Triển vọng phát triển ngành

Ngành chế biến, sản xuất gỗ

Theo Hiệp hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TPHCM nhận định, ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam đang có nhiều cơ hội lớn. Hiện Việt Nam đang đứng thứ 6 trên thế giới về xuất khẩu, đứng thứ 2 ở Châu Á và đứng thứ 1 tại Đông Nam Á. Hiện Công nghiệp chế biến đồ gỗ Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển, thị trường gỗ còn nhiều tiềm năng nên số lượng doanh nghiệp ngày càng gia tăng, đủ mọi loại hình. Việt Nam đang có nhiều cơ hội để phát triển ngành gỗ trong thời kỳ suy thoái kinh tế bởi Trung Quốc không còn khuyến khích chế biến ở vùng ven biển mà đẩy sâu vào nội địa, làm tăng giá thành. Với chi phí sản xuất đồ gỗ tương đối thấp, trong khi đó, các nước chế biến gỗ trên thế giới cũng đang gặp khó khăn tại nước họ, đây chính là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp sản xuất chế biến gỗ nước ta tăng cường xuất khẩu.

Ngành kinh doanh bến xe

Hoạt động kinh doanh dịch vụ Bến xe, Bãi đỗ chính là hoạt động dịch vụ công cộng nói riêng và là một phần của ngành giao thông đường bộ nói chung. Phát triển hạ tầng đường bộ phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng dân số hằng năm của một quốc gia, phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng phương tiện giao thông, phụ thuộc nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân, thực trạng hạ tầng giao thông hiện hữu v.v. Thu nhập bình quân được nâng cao, hệ thống giao thông được cải thiện nên nhu cầu giao thương, thăm viếng, đi lại, cũng như quyền lựa chọn phương tiện đi lại chất lượng cao là rất đáng kể. Mặc dù đây là một xu hướng nhưng mức thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp và dân cư chủ yếu vẫn sống ở nông thôn nên tác động của hiệu ứng thay thế này sẽ chưa diễn ra trong tương lai gần. Mặt khác tại một số địa bàn vùng xa, kinh tế chưa phát triển v.v. hệ thống giao thông đi lại chưa thật sự được quan tâm đầu tư, không đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân. Xét trên những khía cạnh đó, có thể thấy rằng nhu cầu phát triển ngành dịch vụ bến xe, bãi đỗ là hết sức tiềm năng.

Ngành khai thác và chế biến đá

Hiện nay nguồn cung ngành đá vẫn chưa đáp ứng được cho nhu cầu vì hàng năm Việt Nam vẫn phải nhập khẩu một lượng đá trang trí đáng kể từ Trung Quốc. Nhu cầu của thị trường còn rất lớn trong thời gian tới khi tốc độ xây dựng, trang trí nội thất, và việc mở rộng ứng dụng đá để thay thế các vật liệu xây dựng khác đang được phổ biến. Ngoài ra việc cấp giấy phép khai thác gần đây cho thấy sự ủng hộ của Chính phủ trong việc đầu tư mạnh vào ngành khai thác và chế biến đá tại Việt Nam mặc dù tại địa phương cơ chế cấp phép còbn chậm, kéo dài, và tồn tại nhiều bất cập.

Ngành nông nghiệp

Việt Nam cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp, dân cư sống trong vùng nông nghiệp – nông thôn chiếm tới 70% dân số và lực lượng lao động trong nông nghiệp chiếm 60% tổng lực lượng lao động xã hội. Sau mở cửa kinh tế, nông nghiệp Việt Nam đã phát triển rất nhanh, từ một nước thiếu thốn lương thực trở thành một nước xuất khẩu lớn các mặt hàng nông – lâm – thủy sản trên bản đồ nông nghiệp thế giới, ngành Nông nghiệp đã đóng góp kim ngạch xuất khẩu khoảng 30 tỷ USD trong năm 2014. Năm 2015, kỳ vọng xuất siêu nông nghiệp có thể "chạm tay" ở mức 12 tỷ USD.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng bình quân ngành còn chưa cao, ở mức 4% - 5%/năm, tuy nhiênvới vai trò quan trọng trong ổn định việc làm, kinh tế, chính trị, xã hội và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, lĩnh vực nông nghiệp còn rất nhiều tiềm năng phát triển. Các sản phẩm nông nghiệp là các nhu yếu phẩm cần thiết, vì vậy, ngành nông nghiệp có tính ổn định cao so với nhiều ngành nghề kinh doanh khác. Mặt khác, nhu cầu cho các mặt hàng lương thực và nông sản ngày càng tăng cùng với sự gia tăng quy mô dân số thế gới, nhưng nguồn cung các mặt hàng này ngày càng hạn hẹp do đất đai cho sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp bởi công nghiệp và đô thị hoá, tốc độ tăng dân số quá nhanh và vấn đề biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng tiêu cực đến trồng trọt nói riêng và nông nghiệp nói chung.

Nông nghiệp Việt Nam mới phát triển ở giai đoạn sơ cấp và chủ yếu đang xuất bán sản phẩm dưới dạng thô nên còn rất nhiều triển vọng và dư địa phát triển cho việc đầu tư vào những lĩnh vực như *chế biến, sản xuất và kinh doanh* ở cả quy mô nhỏ và lớn nhằm khai thác giá trị gia tăng của ngành.

Ngành sản xuất linh kiện điện tử

Tham khảo Mục: ***"Dự báo về sự phát triển của nền kinh tế thế giới nói chung và ngành điện tử nói riêng"*** *– Phần:* ***"TÌNH HÌNH KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2012-2014 CỦA MASS NOBLE"***

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh kinh tế hiện tại, doanh nghiệp đang có rất nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít thách thức, khó khăn. Với chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm", Chính phủ đã cho phép lĩnh vực tư nhân tham gia đầu tư các ngành cơ bản như năng lượng, trồng rừng, kinh doanh bến xe v.v. Nhận thức được những cơ hội trên: Đức Long Gia Lai kiên định với tầm nhìn chiến lược là tăng trưởng đi đôi với bền vững và hiệu quả. Luôn lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi truyền thống làm nhân tố trung tâm để đa dạng hóa sang các ngành kinh doanh chiến lược khác. Chỉ đạo quán triệt tinh thần đó đến các cấp lãnh đạo, các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Đức Long Gia Lai đã nhanh chóng xác định rõ các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn; đồng thời, chỉ đạo sản xuất kinh doanh và huy động nguồn lực để thực hiện các mục tiêu theo các định hướng sau:

- Giữ vững và tăng cường đầu tư phát triển kinh doanh ngành gỗ; nhân rộng mô hình kinh doanh bến xe; phát huy các ngành có thế mạnh tại Gia Lai.

- Cơ cấu hợp lý tỷ trọng các ngành kinh doanh mới nhằm nâng cao lợi nhuận của Tập đoàn trong thời gian tới.
- Đầu tư có chọn lọc các dự án/ngành kinh doanh cơ bản có tính chiến lược dài hạn.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.

Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.

XI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Danh sách các thành viên HĐQT

Bảng 24: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Pháp	Chủ tịch Hội đồng quản trị	33.840.387	22,67%
2	Đỗ Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị	19.950	0,01%
3	Nguyễn Đình Trạc	Ủy viên Hội đồng quản trị	899.071	0,60%
4	Phạm Anh Hùng	Ủy viên Hội đồng quản trị	-	-
5	Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Hội đồng quản trị	10.032	0,01%
6	Nguyễn Hồ Nam	Ủy viên Hội đồng quản trị		
7	Nguyễn Đăng Hải	Ủy viên Hội đồng quản trị		
8	Đoàn Nguyên Tiêu	Ủy viên Hội đồng quản trị		

Nguồn: DLG

2. Danh sách các thành viên Ban kiểm soát

Bảng 25: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Ngọc Minh	Trưởng ban	-	-
2	Phạm Thị Bích Loan	Thành viên	-	-
3	Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên	-	-

Nguồn: DLG

3. Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 26: Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Anh Hùng	Ủy viên HĐQT – kiêm TGĐ	-	-
2	Đỗ Thanh	Ủy viên HĐQT – kiêm P.TGĐ	19.950	0,01%
3	Phan Xuân Viên	Phó Tổng giám đốc	-	-
4	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc	-	-
5	Phạm Minh Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
6	Vũ Thị Hải	Kế toán trưởng	32.182	0,022%

Nguồn: DLG

XII. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN

Tại thời điểm 31/3/2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai vẫn còn khoản mục trái phiếu phát hành đến hạn phải trả là 399.066.000 đồng.

XIII. CÁC THÔNG TIN, TRANH CHẤP KIỆN TỤNG CÓ LIÊN QUAN CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Không có

TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

DLG PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ HOÁN ĐỔI 97,73% CỔ PHẦN CỦA MASS NOBLE INVESTMENTS LIMITED.

THÔNG TIN VỀ MASS NOBLE INVESTMENTS LIMITED NHƯ SAU:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ MASS NOBLE

Mass Noble Investments Limited sở hữu Asen Investment Holding Limited, một doanh nghiệp có hơn 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao ở thị trường nước ngoài.

Được thành lập từ năm 1990, Mass Noble Investments Limited được đăng ký kinh doanh tại British Virgin Islands, và đang hoạt động tại HongKong, với vốn chủ sở hữu hiện tại là hơn 14.5 triệu USD, số cổ phiếu đang lưu hành là hơn 29 triệu cp với mệnh giá 0.5 USD/cp. Hiện tại, Mass Noble đang hoạt động với giấy phép kinh doanh số 1400860 do British Virgin Islands cấp ngày 25 tháng 04 năm 2007. Công ty này có nhà máy Ansen đặt tại Trung Quốc chuyên sản xuất các sản phẩm công nghệ RF (wifi, bluetooth v.v.), đèn Led, các thiết bị tiết kiệm năng lượng, màn hình LCD v.v. Doanh thu trung bình đạt 1,200 tỷ đồng/năm. Thị trường của Mass Noble là Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc v.v.

- Tên Công ty có CP hoán đổi: Mass Noble Investment Ltd.
- Quốc tịch: British Virgin Islands
- Giấy đăng ký kinh doanh: số 1400860 do British Virgin Islands cấp ngày 25 tháng 04 năm 2007
- Vốn Chủ sở hữu hiện tại: 14.581.962 US $ (bao gồm share capital và share premium)
- Số cổ phần đang lưu hành: 29.163.924 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 0,5 US $/cổ phần
- Doanh thu trung bình/năm: 450 triệu $ HK, tương đương 1.200 tỷ VND
- Ngành nghề chính: Sản xuất linh kiện điện tử
- Nhà máy: Rộng 350.000 foot vuông tại Dong Guan, Trung Quốc
- Sản phẩm:
  - Công nghệ RF (Wifi, Bluetooth, v.v.)
  - Đèn LED
  - Các thiết bị tiết kiệm năng lượng
  - Màn hình LCD, v.v.
- Thị trường: Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, v.v.
- Khách hàng truyền thống: Honey Well, Whirlpool, MayTag, A.O. Smith, SafeNet, Lithonia Lighting, v.v.

II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA MASS NOBLE

Thông tin về các cổ đông và tỉ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty Mass Noble Investments Limited được theo dõi tại Sổ Cổ đông và được quản lý tại Đại lý đăng ký, Offshore Incorporation Limited – đăng ký tại P.O. Box 957, Road Town, Tortola, British Virgin Islands. Theo sổ cổ đông ngày 16 tháng 12 năm 2014 đã được công chứng hợp lệ của British Virgins Island, nơi Công ty Mass Noble Investments Limited thành lập, Công ty Mass Noble Investments Limited có 4 cổ đông, với tỉ lệ như bảng dưới. Đến thời điểm hiện tại cơ cấu cổ đông của Công ty Mass Noble Investments Limited không có sự thay đổi.

Bảng 27: Danh sách cổ đông của Mass Noble

Cổ đông	Địa chỉ	Ngày trở thành cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
AnsenHoldco Limited	Commerce House, PO Box 3140, Road Town, Tortola, BVI	14/2/2014	26.512.658,1818	90,91%
Hampora Investments Limited	Akara Building, 24 De Castro Street, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, BVI	30/5/2007	1.723.322,7818	5,91%
Valtec Capital Corporation	3753 Howard Huges Parkway, Suite 135, Las Vegas, Nevada, 89169, United States	29/6/2007	265.126,5818	0,91%
Lon Tai Investment Holdings Limited	Akara Building, 24 De Castro Street, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, BVI	29/6/2007	662.816,4546	2,27%
Tổng			**29.163.924,0000**	**100,00%**

Nguồn: Sổ đăng ký cổ đông của Công ty Mass Nolbe Investments Limited ngày 16/12/2014

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA MASS NOBLE

1. Cơ cấu tổ chức của Mass Noble

Công ty trách nhiệm hữu hạn Mass Noble Investments ("Công ty Mass Noble" hoặc "Mass Noble") hoạt động theo mô hình Công ty mẹ, Công ty con (Holding) với 10 đơn vị thành viên hoạt động tại các quốc gia Anh, Trung Quốc và Hồng Kông. Trong đó, Mass Noble sở hữu 100% trực tiếp Ansen Investment Holding Ltd, và sở hữu gián tiếp 100% các công ty còn lại.

Biểu đồ 9: Cơ cấu tổ chức của Mass Noble

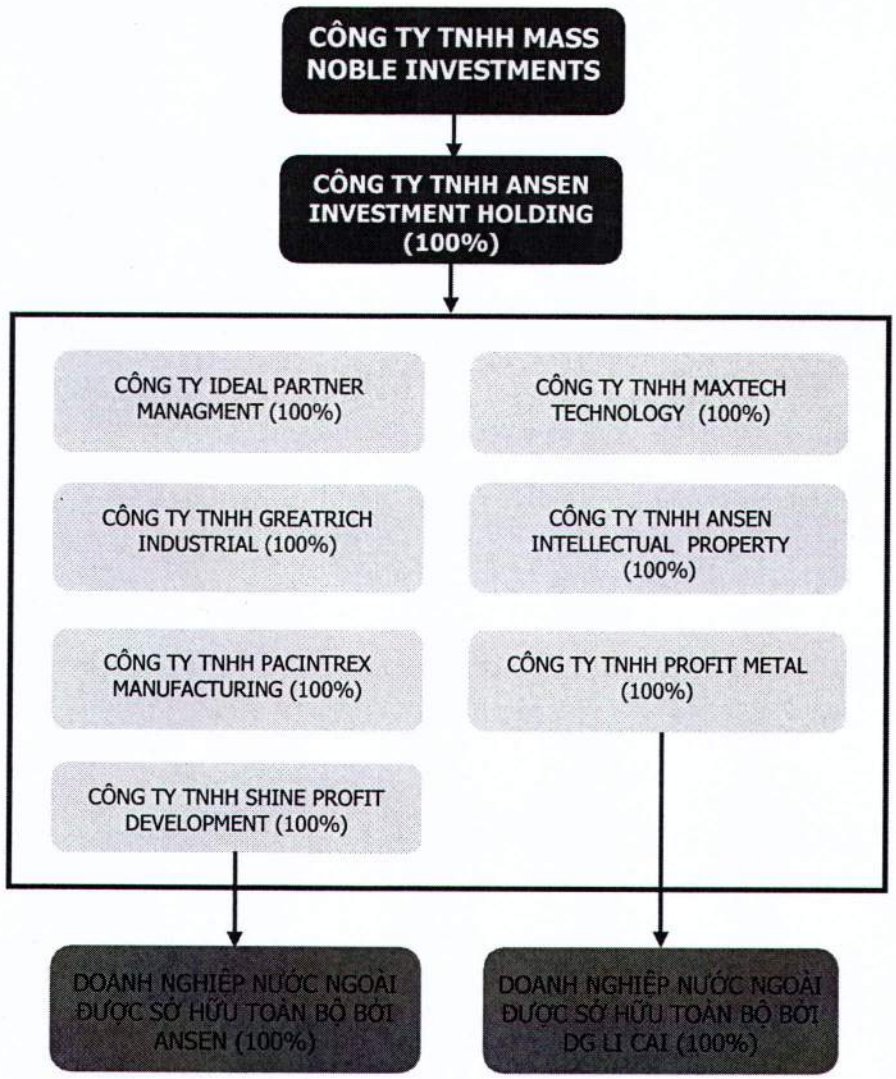

Nguồn: DLG

2. Thông tin chung về các Công ty thành viên của Mass Noble

TT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Giấy ĐKKD	Cấp ngày	Vốn đăng ký	Ngành nghề kinh doanh chính	Quan hệ với Mass Noble	% SI	Tình trạng
1	Công ty TNHH Ansen Investment Holdings	Anh	Số 113393	28/03/1994	94.118 HK$	Đầu tư	Công ty con	100%	Đang hoạt động
2	Công ty TNHH Shine Profit Development	Hồng Kông	Số 259672	28/07/1989	10.000.000 HK$	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, an ninh dân dụng và tiết kiệm năng lượng	Công ty cháu	100%	Đang hoạt động
3	Công ty TNHH Greatrich Industrial	Hồng Kông	Số 488795	11/8/1994	10.000 HK$	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, an ninh dân dụng và tiết kiệm năng lượng	Công ty cháu	100%	Đang hoạt động
4	Công ty TNHH Profit Metal	Hồng Kông	Số 547358	02/5/1996	10.000 HK$	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, an ninh dân dụng và tiết kiệm năng lượng	Công ty cháu	100%	Đang hoạt động
5	Công ty nước ngoài được sở hữu toàn bộ bởi Anse n 東莞安迅電子有限公司	Trung Quốc	Số 0496987	2001	9.747.000 US$	Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm chăm sóc sức khỏe, an ninh dân dụng và tiết kiệm năng lượng	Công ty chắt	100%	Đang hoạt động
6	Công ty nước ngoài được sở hữu toàn bộ bởi DG Li Cai 東莞利材塑膠製品有限公司	Trung Quốc	Số 0541608	2001	999.297 HK$	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì nắp gập	Công ty chắt	100%	Đang hoạt động
7	*Công ty TNHH Pacintrex Manufacturing*	*Hồng Kông*	*Số 756935*	*08/8/2001*	*10.000 HK$*	*Hợp nhất kinh doanh với Shine Profit sau khi Shine Profit có giấy phép hợp nhất (Unified Licence). Đóng cửa từ 2012*	*Công ty cháu*	*100%*	*Ngừng hoạt động, không còn tài sản*
8	*Công ty TNHH Maxtech Technology*	*Hồng Kông*	*Số 693139*	*01/9/1999*	*10.000 HK$*	*Chủ yếu sản xuất sản phẩm MP3 nhưng bán hàng từ năm 2005. Đóng cửa từ 2005.*	*Công ty cháu*	*100%*	
9	*Công ty TNHH Ansen Inllectual Property*	*Anh*	*Số 130095*	*07/10/1994*	*1 HK$*	*Không có hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2004*	*Công ty cháu*	*100%*	
10	*Công ty TNHH Ideal Partner Management*	*Anh*	*Số 422961*	*02/01/2001*	*2 US$*	*Không có hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2004*	*Công ty cháu*	*100%*	

Mass Noble và DLG dự kiến sẽ thực hiện các thủ tục đóng của các công ty thành viên đang ngừng hoạt động.

Thông tin về hoạt động sản xuất của các Công ty thành viên đang hoạt động

TT	Tên Công ty	Sản phẩm	Nguồn nguyên vật liệu	Đối tác	Công nghệ	Khách hàng	Lao động
1	Công ty TNHH Ansen Investment Holdings	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có	Chỉ có cán bộ quản lý
2	Công ty TNHH Shine Profit Development	Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm: Các sản phẩm nhà tiện ích, sản phẩm chăm sóc cá nhân, sản phẩm nhà tự động hóa.	Nguyên liệu đầu vào chính gồm điện trở, cục chì, pha lê, LCD, nhựa, kim loại, và các sản phẩm bao bì nắp gập	- Hung Fai Industrial Technology Limited: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác;* - Kuantech (Bei Hai) Limited Company: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác;* - Arrow/Components Agent Limited: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác;* - QiaoLian Electronics DongGuan: *đã có trên 5 năm quan hệ hợp tác;* - Senterlong Electronic Limited Company: *đã có trên 5 năm quan hệ hợp tác.*	Công ty hiện điều hành 02 nhà máy với dây chuyền đồng bộ và công nghệ hiện đại là (i) Ansen Electronics Company và (ii) DongGuan Ansen Electronics Company Ltd. Thông tin máy móc thiết bị xem tại Phụ lục 01	- Whirlpool Corporation: *đã có trên 3 năm quan hệ hợp tác* - Azad International Ltd: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác* - Acuity Brands Lighting, Inc: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác* - LIDL HK Ltd: *đã có trên 3 năm quan hệ hợp tác* - A-One & H Co Ltd: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác* - Kea Products: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác* - Honeywell Technologies SARL: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác* - REV Ritter GMGH: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác*	-Cán bộ quản lý: 37 người -Lao động trả theo tháng: 347 -Lao động trra theo ngày: 983
3	Công ty TNHH Greatrich Industrial	Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm: phụ tùng hợp kim và các bộ phận kim loại cho các sản phẩm điện tử, chủ yếu là kim loại dập và kim loại lưỡi mềm.	Nguyên liệu đầu vào chính gồm đồng thau, thép không gỉ, hợp kim nhôm	Nguyên vật liệu được cung cấp từ các đối tác có quan hệ lâu năm tại Hồng Kông (20%) và Trung Quốc (80%)	Công ty sở hữu hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại nhập khẩu từ Nhật Bản và Trung Quốc. Thông tin máy móc thiết bị xem tại Phụ lục 02	Các sản phẩm của Công ty chủ yếu cung cấp cho tập đoàn Ansen	- 21 nhân viên trả lương theo tháng; - 68 lao động trực tiếp (trả lương theo ngày)
4	Công ty TNHH Profit Metal	Các sản phẩm chính của Công ty bao gồm các chi tiết nhựa cho các sản phẩm điện.	Nguyên vật liệu đầu vào chính gồm nhựa được nhập khẩu 100% từ nước	- Sunta Chemical Limited: *đã có 3 năm quan hệ hợp tác;* - Kin Sang Chemical Limited: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác;* - Sabic Innvative Plastics HK Limited: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp*	Công ty sở hữu hệ thống dây chuyền công nghệ đồng bộ và hiện đại. Thông tin máy móc thiết bị xem tại Phụ lục 03	Toàn bộ các sản phẩm của Công ty hiện chỉ cung cấp cho Công ty con	- 23 nhân viên trả lương theo tháng; - 95 lao động trực tiếp (trả lương

TT	Tên Công ty	Sản phẩm	Nguồn nguyên vật liệu	Đối tác	Công nghệ	Khách hàng	Lao động
			ngoài	*tác;* - Bayer Material Science Limited: *đã có trên 10 năm quan hệ hợp tác;* - Milton Plastics Limited: *đã có trên 8 năm quan hệ hợp tác.*			theo ngày)
5	Công ty nước ngoài được sở hữu toàn bộ bởi Ansen 東莞安迅電子司	Là công ty con của Công ty TNHH Shine Profit Development. Đã được mô tả trong Công ty TNHH Shine Profit Development					
6	Công ty nước ngoài được sở hữu toàn bộ bởi DG Li Cai 東莞利材塑膠業限公司	Là công ty con của Công ty TNHH Profit Metal. Đã được mô tả trong Công ty TNHH Profit Metal					

IV. SẢN PHẨM CHÍNH

ANSEN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các linh kiện thiết bị điện tử, công nghệ chiếu sáng, thiết bị an ninh v.v. Hiện tại, **danh mục các mặt hàng được ANSEN sản xuất theo đơn đặt hàng** vô cùng đa dạng với khoảng 30 dòng sản phẩm ở tất cả các lĩnh vực. Trong đó, thế mạnh của ANSEN nằm ở các dòng sản phẩm như (i) sản phẩm tiện nghi nhà ở; (ii) sản phẩm chăm sóc cá nhân và (iii) thiết bị chiếu sáng LED lighting, v.v. Chi tiết các sản phẩm gồm thiết bị tự động cho nhà ở, thiết bị tiện nghi cho nhà ở, thiết bị an ninh nhà ở, thiết bị chiếu sáng an ninh, đèn chiếu sáng, đèn làm việc công xưởng halogen, máy hẹn giờ kỹ thuật số, máy hẹn giờ cơ, máy hẹn giờ cơ, v.v.

V. KHÁCH HÀNG

Mass Noble sở hữu mạng lưới khách hàng sâu rộng và có quan hệ hợp tác chiến lược lâu năm với gần 10 khách hàng chiến lược là tổ chức lớn và tên tuổi trên thi trường công nghệ điện tử như Azad International Ltd (hơn 10 năm hợp tác); Whirlpool Corporation (hơn 3 năm hợp tác); REV Ritter GMGH (hơn 10 năm hợp tác) v.v. Với thế mạnh về mạng lưới khách hàng chiến lược lớn, Mass Noble luôn tự tin về đầu ra cho các sản phẩm của mình.

VI. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

1. Công nghệ của Công ty TNHH Shine Profit Development

Xưởng/dây chuyền	Công nghệ
Xưởng gia công chi tiết nhựa	Sử dụng máy ép dạng phun trục vít, nằm ngang; Chế độ phun ép 1 lần. Máy ép dạng tự động, nhưng hoạt động độc lập không kết nối thành dây chuyền. Có phòng sạch duy trì áp suất khí dương phục vụ cho việc ép các chi tiết có yêu cầu môi trường sạch.

Xưởng/dây chuyền	Công nghệ
Xưởng gia công chi tiết kim loại	Máy bán tự động hoặc thủ công.
Dây chuyền lắp ráp điện tử	Công nghệ dán bề mặt, hàn sóng, hàn IC/chip và lắp/ráp hoàn thiện thủ công. Sử dụng dây chuyền lắp ráp bo mạch tự động, phù hợp với yêu cầu cho lắp ráp thiết bị điện tử tiêu dùng thông dụng.

1.1 Xưởng gia công chi tiết nhựa

Công nghệ:

- Toàn bộ các máy đang sử dụng là máy ép dạng phun trục vít, nằm ngang đang phổ biến hiện nay;
- Một số máy được trang bị thêm cơ cấu gắp thành phẩm tự động;
- 05 máy mới được bổ sung bộ biến tần tiết kiệm điện trong chế độ chờ;
- Các máy phụ trợ: trộn, cắt mảnh vụn, cắt hộp toàn bộ là máy bán tự động, cần 1 người/máy để nạp nguyên liệu, vận hành và lấy thành phẩm;
- Một phòng sạch duy trì áp suất khí dương phục vụ cho việc ép các chi tiết có yêu cầu môi trường sạch.

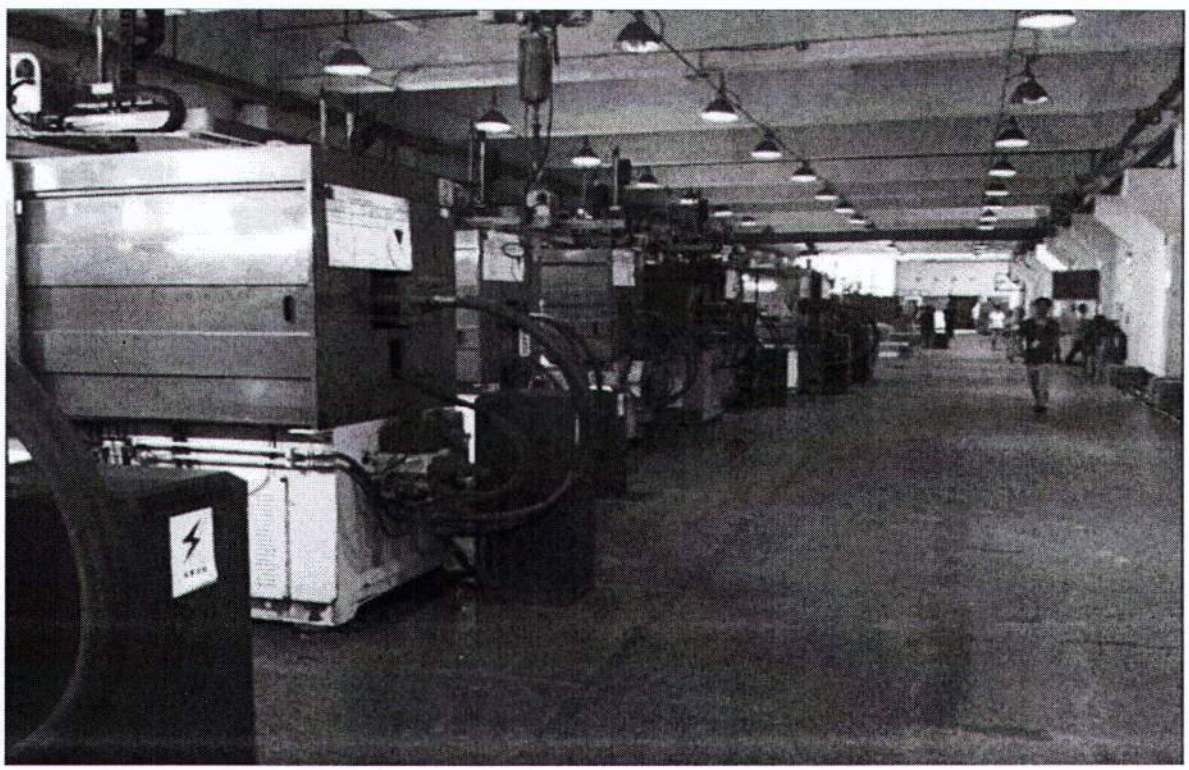

Năng lực:

- Có khả năng sản xuất các linh kiện, chi tiết nhựa thông thường, kích thước không quá lớn (tối đa 660mm x 660mm) đáp ứng hầu hết nhu cầu lắp ráp thiết bị điện tử dân dụng;

- Có đầy cơ sở vật chất, công trình phụ trợ, bộ máy nhân sự để hoàn động như một nhà may/xưởng sản xuất độc lập;
- Hiệu xuất khai thác và sử dụng trung tình khoảng 40%-50% công suất hệ thống, làm việc 1-2 ca/ngày;
- Kế hoạch lắp thêm 02 máy ép overmold để chủ động hơn trong sản xuất các chi tiết phức tạp hơn, không lệ thuộc và nhà cung cấp bên ngoài.

1.2 Xưởng gia công chi tiết kim loại

Công nghệ:

- Sản xuất các chi tiết phục vụ cho xưởng lắp ráp: các chi tiết kim loại kích thước vừa phải và phi tiêu chuẩn như tiếp điểm, đầu nối, dao cạo v.v.
- Toàn bộ các máy, thiết bị trong khu vực sản xuất này chủ yếu là máy bán tự động hoặc thủ công. Trung bình cần 1 công nhân/dây chuyền khi có sản xuất.

Năng lực:

- Sản xuất các linh kiện, chi tiết kim loại, thép không gỉ v.v. kích thước không quá 400mm x 600mm;
- Có đủ các thiết bị, công nghệ phụ trợ khác ohucj vụ công tác hoàn thiện gia công như: tiên, phay, khoan, mài v.v.
- Có đầy cơ sở vật chất, công trình phụ trợ, bộ máy nhân sự để hoàn động như một nhà may/xưởng sản xuất độc lập;
- Hiệu xuất khai thác và sử dụng trung tình dưới 50% công suất hệ thống, làm việc 1-2 ca/ngày;

1.3 Dây chuyền lắp ráp điện tử

Công nghệ:

- Sử dụng các công nghệ ở mức trung bình, khá mới trong lắp ráp điện tử như: Công nghệ dán bề mặt (SMT-Surface Mount Technology), hàn sóng, hàn IC/chip và cả lắp ráp/hoàn thiện thủ công;
- Dây chuyền SMT hỗ trợ đến tiêu chuẩn 0402 (thường được sử dụng) có thể nâng cấp tối đa lên chuẩn 0201 – chuẩn nhỏ nhất của các linh kiện điện tử thụ động (như điện trở, tụ điện);
- Máy hàn chip COB (Chip on Board) hỗ trợ chip kích thước nhỏ nhất là 2mm x 2mm, công nghệ định vị hàn là quang học;
- Kích thước Board lớn nhất có thể lắp tự động là 300mm x 400mm;
- Một số thiết bị QC (Quality Control) trên dây chuyền được tùy biến phù hợp với từng tiêu chí kiểm tra sản phẩm khác nhau để đảm bảo chất lượng lắp ráp;
- Các thiết bị kiểm tra quang học (AOI) cho Bo mạch in khá mới, đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chất lượng lắp ráp hiện đang được áp dụng.

Năng lực:

- Các sản phẩm được kiểm tra 100% trên dây chuyền đảm bảo chất lượng và tính hoàn thiện cao, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe tại các thị trường châu Âu, Mỹ;
- Các dây chuyền được khai thác khoảng 60% công suất và đa số chỉ hoạt động 1 ca sản xuất trong khoảng thời gian này

Bảng 28: Một số máy móc, thiết bị chính của Shine Profit Development

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Xuất xứ	Model	Năm
1.	Medium Speed SMT Machine	UNIVERSAL	USA	HSP4790	1996
2.	X-Ray BGA detector	Glenbrook	USA	RTX-VAV	1998
3.	Computer Control Reflow Oven - 7 Zones	BTU	USA	VIP-98A	1999
4.	PCB Auto Loader	TENRYU	Japan	LD-5000B	1999
5.	High Speed SMT Machine	UNIVERSAL	USA	HSP4796B	1999
6.	Multi-function SMT Chip Placer Machine	UNIVERSAL	USA	GSM2-4688	1999
7.	High Speed SMT Machine	UNIVERSAL	USA	HSP4796L	2001
8.	Multi-function SMT Chip Placer Machine	UNIVERSAL	USA	GSM1 (FJ+FH)	2002
9.	Multi-function SMT Chip Placer Machine	UNIVERSAL	USA	GSM1-4681A	2002
10.	Six Channels Oven Temperature Measurement Meter	ECD	UK	GOLD M.O.L.E	2002
11.	Die Bonder Machine	ASM	HongKong	AB510	2002
12.	PCB Loader	PANASONIC	Japan	NM2336A	2002

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Xuất xứ	Model	Năm
13.	Auto Solder Paste Printer	PANASONIC	Japan	SPPV	2002
14.	High Speed SMT Machine	PANASONIC	Japan	MV2V	2002
15.	Multi-function SMT Chip Placer Machine	PANASONIC	Japan	MPAG3	2002
16.	Auto PCB Loader	PANASONIC	Japan	NM2336C	2002
17.	Die Bonder Machine	ASM	HongKong	AB530A	2007
18.	UltraSonic Sealing Machine		China	TU1526	2007
19.	Computer Control Reflow Oven - 8 Zones	長榮	China	CR-8000NP-FW	2008
20.	Semi-Auto Solder Paste Printer	長榮	China	SAP - 600	2008
21.	High Speed SMT Machine	SONY	Japan	SI-F130AI	2008
22.	Computer Control Reflow Oven - 8 Zones	SAICO	China	SC-AR8820	2009
23.	Wave Soldering Machine		China	LF-300CS	2009
24.	High Speed SMT Machine	SONY	Japan	SI-F130WK	2009
25.	RF Shield Room		China	C270	2009
26.	Solder Paste Blending Machine	HEDA	China	HEAD-822	2010
27.	Solder Paste Thickness Measurement Equipment - XYZ	REAL	Germany	Z - 3000	2010
28.	Semi-Auto Solder Paste Printer	長榮	China	SAP-600	2010
29.	PCB Auto Loader	長榮無鉛	China	BL-390A-SB	2010
30.	Auto Solder Paste Printer	DESEN	China	DSP-1008	2010
31.	Computer Control Reflow Oven - 8 Zones	長榮	China	CR-8000NP-FW	2010
32.	Auto PCB Loader	長榮無鉛	China	UL-390A-SB	2010
33.	Computer Control Reflow Oven - 8 Zones	SAICO	China	SC-AR8820	2010
34.	Solder Paste Blending Machine	HEDA	China	HEAD-822	2010
35.	Temperature & Humidity Chamber		China	AX784	2010
36.	Auto Solder Paste Printer	DESEN	China	DSP-1008	2010
37.	Semi-Auto Solder Paste Printer	長榮	China	SAP-600	2011
38.	Computer Control Reflow Oven - 8 Zones	長榮	China	CR-8000NP-FWR	2011
39.	AOI, Automatic Optical Inspection Machine	善登	China	MV-8255	2014
40.	ICT	Concord Technology	China	T518FA	2014

Nguồn: DLG

2. Công nghệ của Công ty Greatrich Industrial

Bảng 29: Một số máy móc, thiết bị chính của Greatrich Industrial

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Model	Công suất	Xuất xứ	Năm
1	Air Compressor	1		22KW	CHINA	1996
2	Milling M/C (Vertical)	1		M-2S		1997
3	Pad Printing Machine	2		OK-P1	CHINA	1998
4	Cutter Grinding Machine	1	LMM-10A		CHINA	1999
5	Drilling Machine	1	Z406C	250W	CHINA	1999
6	Hoist	1			CHINA	1999
7	Grinding Machine	1	YUKT-9033TH	2.5KVA	CHINA	1999
8	Drilling Machine	1	ZQ4125	750W	CHINA	1999
9	Drilling Machine	1	T512-2	750W	CHINA	1999
10	Drilling Machine	2	H5-3C	850W	CHINA	1999
11	Pad Printing Machine	2		OK-P1	CHINA	1999
12	Manual Pressing Machine	3		100P	CHINA	1999
13	Manual Pressing Machine	4	160P	160P	CHINA	1999
14	Tapping Machine	4	SWJ-6	370W	CHINA	1999
15	Tapping Machine	3	SWJ-6	1.5KW	CHINA	2001
16	Auto Press	1	W-2068	1.5KW	Japan	2002
17	Pad Printing Machine	2		OK-P1	CHINA	2002
18	Manual Pressing Machine	3		160P	CHINA	2002
19	Tapping Machine	6	SWJ-6	1.5KW	CHINA	2002
20	Robot	1	MRP-2100P	2.5KVA	Japan	2003
21	Dring Machine	1	HF-50	2KW	CHINA	2003
22	Tapping Machine	1	SWJ-6	1.5KW	CHINA	2003
23	Pad Printing Machine	1		OK-P1	CHINA	2003
24	Flat UV Curing Machine	1		EB-400PM	CHINA	2003
25	Pad Printing Machine	1		TP-150S2	CHINA	2003
26	Environmental Air-Conditioner	1		KLF-18A	CHINA	2003
27	Pad Printing Machine	2		P2/S	CHINA	2003
28	Silk-screen Machine	2		S-500DF/S-500DFE	CHINA	2003
29	Argon Arc Welding Machine	1	WSE-250A	13KVA	CHINA	2004
30	Environmental Air-Conditioner	1		KLF-18A2	CHINA	2004

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Model	Công suất	Xuất xứ	Năm
31	Flat UV Curing Machine	1		EB-400PM	CHINA	2004
32	Dring Machine	1			CHINA	2004
33	Pad Printing Machine	5		EASY-P1	CHINA	2004
34	Robot	1	MRP-S70PF2	2.5KVA	Japan	2005
35	Power Pressing Machine	1	J23-25	25T 2.2KW	CHINA	2005
36	Power Pressing Machine	2	J23-10	10T 1.1KW	CHINA	2005
37	Desk Tapping Machine	2	SWJ-6	370W	CHINA	2005
38	Air Cylinder	2		AR150-100	CHINA	2005
39	Dring Machine	1	HF-50	2KW	CHINA	2006
40	Furnace	1			CHINA	2006
41	Vibrating Grinder	1	ZHXXM-300	3.7KW	CHINA	2006
42	Power Pressing Machine	1	J23-25	25T 2.2KW	CHINA	2006
43	Drilling Machine	1	Z406	160P	CHINA	2006
44	Air Compressor	1	SA-37A	37KW	CHINA	2006
45	Grinder	1	HD2M9S-5L	3KW	CHINA	2006
46	Power Pressing Machine	2	JB23-63	63T 5.5KW	CHINA	2006
47	Power Pressing Machine	2		2T	CHINA	2006
48	Power Pressing Machine	2	J23-10	10T 1.1KW	CHINA	2006
49	Drilling Machine	3	Z406		CHINA	2006
50	Hoisting Machine	1		2.2KW	CHINA	2007
51	Powder Gun	1		2.2KW	Japan	2007
52	Milling Machine	1	YUKT-9032TH	2KVA	CHINA	2007
53	Argon Arc Welding Machine	1	WSE-250	18.2KVA	CHINA	2007
54	AC Spot Welder	1	DN-25	25KVA	CHINA	2007
55	AC Spot Welder	1	DN-35	35KW	CHINA	2007
56	Spot Welder	1	DK-350V	5.5KVA	CHINA	2007
57	AC Spot Welder	1	DN-150	250KVA	CHINA	2007
58	NC Lathe	1	VT-15L	7.5KW	Taiwan	2007
59	Dring Machine	1	JHD 50HP	2KW	CHINA	2007
60	Brushing Machine	1		JH-A335	CHINA	2007
61	Paint Gun	5		2.2KW	Japan	2007
62	Venturi spray booth	1	VBWC-25D	12.5KW	CHINA	2008

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Model	Công suất	Xuất xứ	Năm
63	Powder Gun	1		2.2KW	Japan	2008
64	Dring Machine	1	GC-50	2KW	CHINA	2008
65	Centrifugal Drying Machine	1		1KW	CHINA	2008
66	Power Pressing Machine	1	J23-10	10T 1.1KW	CHINA	2008
67	NC Auto Press	1	AMADA	25T(TP- 25C)	Japan	2008
68	NC Auto Press	1	AIDA	45T (NCI-4)	Japan	2008
69	Cutting Machine	1	TGOL-2		CHINA	2008
70	Drilling Machine	1	ZQ406	370W	CHINA	2008
71	JZ23-25	1		25T 2.2KW		2008
72	Milling and Pressing Machine	1		0.75KW	CHINA	2008
73	Dring Machine	1	HF-50	2KW	CHINA	2008
74	Grinder	1	HD2M9S-5L	3KW	CHINA	2008
75	Milling Machine	1	N-3M	2.2KW	CHINA	2008
76	NC Auto Lathe	1	AIDA	45T NCI-45-(2)	Japan	2008
77	Auto Lathe	1	W-118SS		Japan	2008
78	Auto Lathe	1	W-2068	1.5KW	Japan	2008
79	W-2068	1		1.5KW		2008
80	Manual Pressing Machine	1		160P	CHINA	2008
81	Auto Conveyor-Belt	2		2.2KW	CHINA	2008
82	W-1568	2		1.5KW		2008
83	Electric capacity DC Spot Welder	2	KR-350	1.5KW	CHINA	2008
84	Auto Press	2	W-2068	1.5KW	Japan	2008
85	NC Auto Lathe	2	Komatsu	25T OBS 25-3	Japan	2008
86	Grinding Machine	2		Joint-3VA	CHINA	2008
87	Wire Cutting Machine	3	DK7725B1-1F	1KV	CHINA	2008
88	Milling and Pressing Machine	3	YG8024	0.75KW	CHINA	2008
89	Hydraulic Pressure Machine	1	TDK-300		CHINA	2009
90	HD2M9S-5L	1		3KW		2009
91	JH21-100	1		100T		2009
92	LKT-208T	1				2009
93	Wire Cut Machine	1		DK-7725		2009
94	Pad Printing Machine	6		A-P1	CHINA	2009

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Model	Công suất	Xuất xứ	Năm
95	DPS-90E	1		DPS-90E		2010
96	HD2M9B-5L	1		HD2M9B-5L		2011
97	GT-4508	1		380v		2011
98	DPS-90E	1		DPS-90E		2011
99	APA45-V	1		45T		2011
100	HD2M9B-5L	2		HD2M9B-5L		2011
101	HD2M9B-5L	1		HD2M9B-5L		2013
102	ZHM-450B	1		5.5KW		2013
103	APA45-V	1		45T		2013
104	RFS-2010	1				2013
105	GL-200A	1				2013
106	HD2M9S-5L	3		HD2M9B-5L		2013
107	Bread Style of Furnace	1			CHINA	
108	Venturi spray booth	1	VBWC-25D	12.5KW	Japan	
109	Shear	1			CHINA	
110	Polisher	1		Jinoi-02-2	CHINA	
111	Polishing Machine	1		1P	CHINA	
112	Emery Belt Machine	1	TGS-100SA	1.5W	CHINA	
113	Electric capacity DC Spot Welder	1	DR-3000	5.5KVA	CHINA	
114	Electric Welding Machine	2		6.5KW	CHINA	

Nguồn: DLG

3. Công nghệ của Công ty TNHH Profit Metal

Bảng 30: Một số máy móc, thiết bị chính của Profit Metal

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Model	Năm
1.	Smashing Machine	China	CSC-300	1997
2.	Color Mixer	China	CHM-100	1997
3.	Color Mixer	China	CHM-100	1997
4.	Lathe	China	C0632A1	1997
5.	Cutting Grinding Machine	China	KXM10	1997
6.	Plastic Moulding Injection Machine	Japan	VP-40PC	2001
7.	Hopper Dryer	China	HD-50	2002
8.	Thermal Controller	China	STC-6-0	2002

TT	Tên thiết bị	Xuất xứ	Model	Năm
9.	Plastic Moulding Injection Machine	Japan	M-350AII DM	2003
10.	chiller	China	CY-05W	2003
11.	Apex Robot	China&TaiwanJV	ST550	2003
12.	Rock Lathe	China	Z3032X9	2005
13.	Plastic Moulding Injection Machine	China&TaiwanJV	FD-260	2006
14.	Plastic Moulding Injection Machine	China&TaiwanJV	FD-90	2006
15.	Making Granular Extruder	China		2006
16.	Making Granular Extruder	China		2006
17.	Chalking machine	China		2007
18.	Air Cylinder	China	QGEW-2	2007
19.	Air Cylinder	China	QGEW-2	2007
20.	Cutting M/c	Taiwan		2007
21.	Welding M/c	China		2007
22.	Plastic Moulding Injection Machine	China	FT-600KDS	2007
23.	Dryer	China	RD	2007
24.	Grinding machine	Japan		2007
25.	Milling M/C (Vertical)	China	JOINT 3VA	2007
26.	Plastic Moulding Injection Machine	Taiwan	FD-450	2008
27.	VFD	China	VFD-1200-3T0750Z	2009
28.	Vertical Material Mixer	China	LC-3000	2009
29.	Oil-presser Purifier	China	ZJD-20	2009
30.	Double screw extruder	China	TE-50	2010
31.	Plastic Moulding Injection Machine	China	TY550J	2014

Nguồn: DLG

VII. TÌNH HÌNH KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2012-2014 CỦA MASS NOBLE

Trong giai đoạn 2012-2014, tình hình kinh doanh của Mass Noble gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi Mass Noble bị lỗ trong kỳ kế toán từ 1/4/2013 đến 31/3/2014. Xét trong diễn biến chung là nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và tốc độ phục hồi chậm đã có tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đặc biệt là những doanh nghiệp có phạm vi hoạt động toàn cầu như Mass Noble. Tuy nhiên, cùng với sự phục hồi đáng ghi nhận của nền kinh tế thế giới, kết quả sản xuất kinh doanh của Mass Noble trong kì kế toán 01/4/2014 đến 31/3/2015 đã đạt nhiều tín hiệu khả quan.

Bảng 31: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Mass Noble giai đoạn 2012-2015[6]

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	1/4/2012 – 31/3/2013	1/4/2013 – 31/3/2014	1/4/2014 – 31/3/2015
Doanh thu	**1.287.623.490.000**	**1.242.629.770.000**	**1.059.240.740.000**
Giá vốn hàng bán	- 1.193.193.440.000	- 1.167.040.770.000	- 963.026.340.000
Lợi nhuận / Lỗ gộp	**94.430.050.000**	**75.589.000.000**	**96.214.400.000**
Thu nhập khác	56.200.000		5.704.300.000
Lợi nhuận/Lỗ thuần khác	47.862.730.000	1.683.190.000	- 4.094.170.000
Chi phí bán hàng và phân phối	- 27.731.890.000	- 35.189.630.000	- 22.058.500.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	- 63.039.540.000	- 53.589.510.000	- 38.946.600.000
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	**51.577.550.000**	**- 11.506.950.000**	**31.115.130.000**
Chi phí tài chính thuần	- 8.323.220.000	- 5.479.500.000	- 5.476.690.000
Lợi nhuận/Lỗ kế toán trước thuế	43.254.330.000	- 16.986.450.000	25.638.440.000
Chi phí thuế thu nhập/khấu trừ	- 19.254.120.000	- 10.635.850.000	
Lợi nhuận/Lỗ trong năm	**24.000.210.000**	**- 27.622.300.000**	**25.638.440.000**
Thu nhập khác	-	-	-
Công cụ phòng ngừa rủi ro	-	-	-
Hợp đồng hoán đổi lãi suất			
Thu nhập khác trong năm			
Tổng lợi nhuận/lỗ trong năm	**24.000.210.000**	**- 27.622.300.000**	**25.638.440.000**

Nguồn: BCTC kiểm toán niên độ 01/4/2013 – 31/3/2014 và BCTC tự lập niên độ 01/4/2014 – 31/3/2015 của Mass Noble Investments Limited

Khó khăn trong quá khứ của Công ty Mass Noble Investments Limited

Trong năm 2013, hoạt động kinh doanh của Công ty Mass Noble Investments Limited gặp khó khăn do hoạt động kinh doanh của các khách hàng của Công ty gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu xuất phát điểm là khủng hoảng thị trường bất động sản tại Mỹ năm 2007 – 2008 và sự suy thoái của khu vực đồng tiền chung châu Âu từ năm 2010.

[6] Tỉ giá tạm tính: 1 HK $ = 2.810 VND; Tỷ giá VND/USD: 21.786 đồng

Những hãng công nghệ lớn như BlackBerry không những gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh những năm gần đây mà còn ghi nhận lỗ gia tăng 809% trong năm 2014 so với năm 2013. Hãng máy tính IBM cũng ghi nhận những sự thụt lùi cả về hoạt động kinh doanh lẫn tài sản và nguồn vốn. Đỉnh điểm IBM đã giảm lợi nhuận 27,06% và giảm vốn chủ sở hữu tới 48% trong năm 2014 so với 2013. Những khó khăn của nền kinh tế đã khiến cho những hãng như Blackberry đứng bên bờ vực phá sản hoặc như Nokia phải bị thâu tóm bởi Microsoft. Những hãng có tiếng tăm lớn trên thị trường trong những năm gần đây như SamSung cũng thể hiện sự bấp bênh không ổn định trong các khoản mục tài chính trong giai đoạn 2012 – 2014. Bên cạnh đó, một trong số những khách hàng lớn của Mass Noble là Whirpool Corporation cũng có lợi nhuận 2014 đạt 650 triệu USD, giảm 0,22% so với cùng kỳ năm trước. Những tác động tiêu cực của thị trường chung lên các doanh nghiệp khách hàng đã có ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất kinh doanh của Mass Noble.

Samsung	1/1/2012-31/12/2012	1/1/2013-31/12/2013	1/1/2014-31/12/2014
Doanh thu	201.103.613	228.692.667	206.205.987
LNST	23.185.375	29.821.215	23.082.499
Tổng tài sản	181.071.570	214.075.018	230.422.958
Vốn chủ sở hữu	121.480.206	150.016.010	162.259.407
BlackBerry	**1/3/2012-28/2/2013**	**1/3/2013-28/2/2014**	**1/3/2014-28/2/2015**
Doanh thu	18.423.000	11.073.000	6.813.000
LNST	1.164.000	-646.000	-5.873.000
Tổng tài sản	13.731.000	13.165.000	7.552.000
Vốn chủ sở hữu	10.100.000	9.460.000	3.625.000
Nokia	**1/1/2012-31/12/2012**	**1/1/2013-31/12/2013**	**1/1/2014-31/12/2014**
Doanh thu	20.303.000	17.513.000	15.406.000
LNST	-4.991.000	-1.018.000	4.206.000
Tổng tài sản	39.531.000	34.712.000	25.487.000
Vốn chủ sở hữu	12.181.000	8.912.000	10.420.000
IBM	**1/1/2012-31/12/2012**	**1/1/2013-31/12/2013**	**1/1/2014-31/12/2014**
Doanh thu	102.874.000	98.367.000	92.793.000
LNST	16.604.000	16.483.000	12.022.000
Tổng tài sản	119.213.000	126.223.000	117.532.000
Vốn chủ sở hữu	18.860.000	22.792.000	11.868.000

Đơn vị: Nghìn USD

Nguồn: Bloomberg

Thực tế cho thấy giá cổ phiếu của các công ty tập đoàn điện tử, điện máy chuyên kinh doanh sản phẩm hoàn thiện hàng đầu như Samsung, LG, Panasonic, v.v vừa qua cũng gặp phải giai đoạn bất ổn và có xu hướng giảm xuống. Trong đó phải kể đến hai cổ phiếu của LG và Sam Sung đều dao động lớn và có

xu hướng rơi mạnh. Cổ phiếu có tín hiệu khả quan nhất là của hãng công nghệ khổng lồ Apple cũng đã chạm đáy ở ngưỡng trên 55 USD/cổ phiếu vào giữa năm 2013 so với mức 125 USD/cổ phiếu hiện nay.

Samsung Electronics Co Ltd

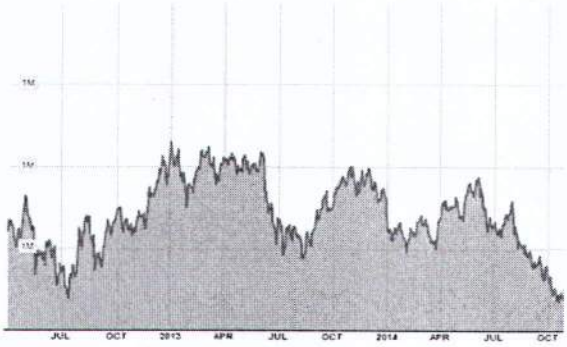

Apple Inc

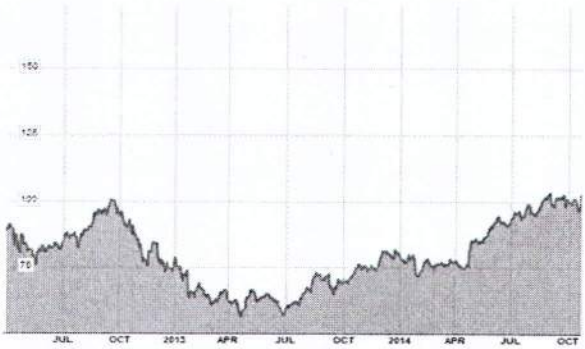

Sony Corp

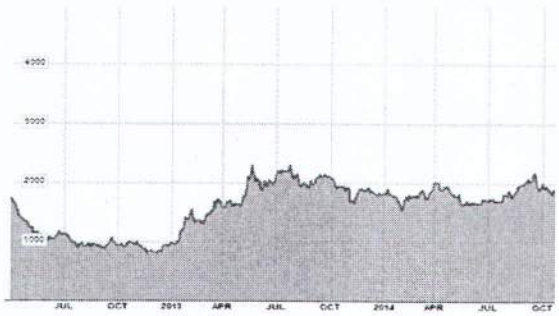

LG Electronics Inc

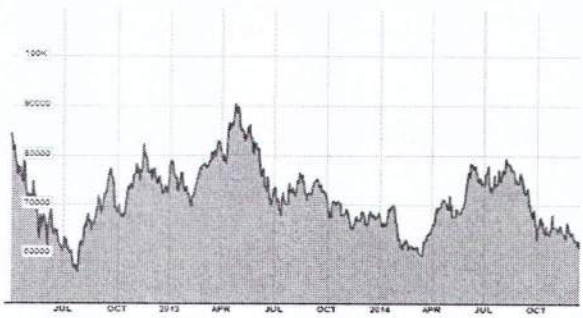

Nguồn: Thống kê giá cổ phiếu từ tháng 7/2012 đến tháng 10/2014 của Bloomberg

Hoạt động kinh doanh của Công ty Mass Noble Investments Limited kỳ kế toán 1/4/2014 đến 31/3/2015 đã khởi sắc

Tiếp sau năm 2014, năm nay tăng trưởng ở các nước đang phát triển sẽ tăng nhẹ, một phần là do giá dầu giảm, nền kinh tế Mỹ mạnh mẽ hơn, lãi suất toàn cầu tiếp tục ở mức thấp, và ít rào cản tăng trưởng hơn ở một số thị trường lớn thuộc khu vực mới nổi, theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới công bố. Sau khi tăng trưởng ước đạt 2,6% năm 2014, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự đạt 3% năm nay, 3,3% trong năm 2016 và 3,2% trong năm 2017, theo dự báo hai lần một năm của Ngân hàng Thế giới. Năm 2014, các nước đang phát triển tăng trưởng trung bình 4,4%, dự báo sẽ tăng 4,8% năm 2015, tăng trưởng mạnh lên 5,3% và 5,4% cho các năm 2016 và 2017.

Đón đầu những dự báo khả quan về nền kinh tế toàn cầu trong năm 2015, giá cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh điện tử cũng đã xuất hiện dấu hiệu khởi sắc, giá cổ phiếu hai hãng lớn như trong ngành như SamSung và Apple đã thể hiện xu hướng đi lên mạnh mẽ từ nửa cuối năm 2014 đến năm 2015. Cụ thể, giá cổ phiếu của SamSung đã tăng trở lại 22% kể từ tháng 10 năm 2014, đối với Apple là khoảng 20%. Những dấu hiệu thực tế khả quan đến từ nhóm doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm đầu ra của Mass Noble sẽ là tín hiệu tốt đối với tình hình hình kinh doanh của bản thân Mass Noble.

SamSung Electronics Co Ltd

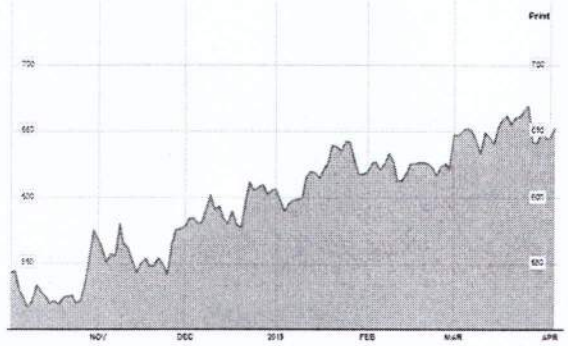

Apple Inc

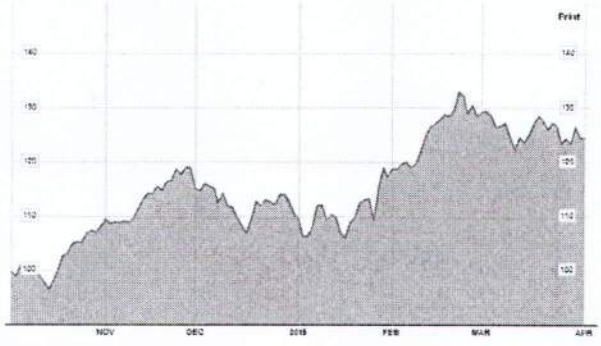

Nguồn: Thống kê giá cổ phiếu từ tháng 10/2014 đến tháng 4/2015 của Bloomberg

Đối với Mass Noble, tình hình kinh doanh đã có xuất hiện nhiều tín hiệu khởi sắc trong nửa cuối kì kế toán kết thúc tại 31/3/2015, đóng góp vào xu hướng đi lên của thị trường chung.

Chỉ tiêu (triệu VND)	1.4.2013 đến 31.3.2014	1.4.2014 đến 31.3.2015			% Tăng giảm 2013 - 2014
		H1	H2	H1+H2	
Doanh thu	1.242.629	469.143	590.097	1.059.240	-14,76%
Lợi nhuận sau thuế	- 27.622	4.491	21.147	25.638	

Tỉ giá tạm tính: 1 HK $ = 2.810 VND; Tỷ giá VND/USD: 21.786 đồng

Tuy trong kỳ kế toán từ 1/4/2013 đến 31/3/2014, những tác động chung của nền kinh tế thế giới đã khiến chi phí nguyên liệu đầu vào và các chi phí quản lý doanh nghiệp nhảy vọt dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ. Sang kỳ kế toán 1/4/2014 đến 31/3/2015, tình hình vĩ mô cải thiện cùng với chiến lược kiểm soát chi phí tốt, đặc biệt là cắt giảm các chi phí liên quan đến cổ đông, đã tác động rất tích cực tên kết quả kinh doanh của Mass Noble đã hồi phục, mặc dù doanh thu giảm nhẹ do các khách hàng nhỏ/lẻ vẫn chưa phục hồi.

Dự báo về sự phát triển của nền kinh tế thế giới nói chung và ngành điện tử nói riêng: *Thế giới đang kì vọng nền kinh tế toàn cầu sẽ phục hồi tốt trong năm 2015 đem lại cơ hội lớn để phát triển cho các doanh nghiệp.*

Căn cứ vào (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2014 cùng những diễn biến kinh tế thế giới đến tháng 2/2015 (ii) giá dầu thế giới được dự báo sẽ ở mức trung bình 56,9 USD/thùng vào năm 2015 và (iii) các chính sách nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Trung ương châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu giai đoạn 2015-2017. Theo đó, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo đạt 3% trong năm 2015 và lần lượt là 3,3% và 3,2% trong năm 2016 và 2017.

Các nền kinh tế phát triển được dự báo tăng trưởng trong năm 2015 đạt 4,8% so với 4,4% trong năm 2014. Nền kinh tế số một thế giới – Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh ở mức 3,22% năm 2015. Khu vực Eurozone phục hồi nhưng với tốc độ chậm, tốc độ tăng trưởng của khu vực này được dự báo là 1,36% năm 2015. Kinh tế Nhật Bản phục hồi nhưng với tốc độ chậm hơn khi nước này đang phải nỗ lực điều chỉnh các chính sách kinh tế mới với mức dự báo là 0,78% năm 2015.

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi mạnh và được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 5,6% trong năm 2015 so với mức 2,91% trong năm 2014. Hoạt động đầu tư toàn cầu sẽ tiếp tục phục hồi. Theo UNCTAD, dòng vốn FDI sẽ tăng từ 1.618 tỷ USD năm 2014 lên 1.748 tỷ

USD năm 2015. Thâm hụt ngân sách của các nền kinh tế trên thế giới sẽ tiếp tục giảm trong các năm tới. Cụ thể, thâm hụt ngân sách trung bình của thế giới sẽ ở mức 2,7% GDP năm 2015.

Giá cả hàng hóa năm 2015 sẽ giảm trong bối cảnh giá dầu đã chứng kiến mức sụt giảm hơn 55% trong vòng 7 tháng qua, cụ thể giá thực phẩm thế giới, giá kim loại thế giới và giá đầu vào vật tư nông nghiệp năm 2015 được dự báo sẽ tăng với các mức tương ứng là -7,9%, -12,7%, -16,4% và -5,1%. Đà giảm sâu của dầu thô và các sản phẩm năng lượng liên quan đã góp phần hạ thấp chi phí đầu vào cho các hàng hóa khác trong đó có ngành hàng điện tử.

Tuy đón nhận những dấu hiệu lạc quan từ tình hình kinh tế vĩ mô nhưng những thông tin tình hình bạo lực và căng thẳng địa chính trị tại các quốc gia, các khu vực có xu hướng gia tăng mạnh. Tâm điểm của xung đột chính trị năm 2014 tập trung chủ yếu vào (i) cuộc khủng hoảng Ucraina (ii) xung đột chính trị giữa Trung Quốc và một số nước láng giềng về các đảo và tuyên bố chủ quyền trên biển (iii) sự thành lập của Nhà nước hồi giáo tự xưng IS cũng đã trở thành một vấn đề được quan tâm tại các hội nghị, diễn đàn lớn trên thế giới v.v.. Những bất ổn liên quan đến xung đột chính trị này cũng đã dẫn đến sực chuyển dịch nguồn cung dầu của các nước phát triển. Hoạt động sản xuất năng lượng toàn cầu đã bắt đầu chuyển hướng khỏi các nước cung cấp truyền thống ở khu vực Á-Âu và Trung Đông, sang các khu vực như vùng biển của Úc, Braxin, châu Phi, Địa Trung Hải và các mỏ dầu cát ở Alberta, Canada. Sự xáo trộn này đã tác động mạng mẽ đến nguồn thu ngân sách của các quốc gia sản xuất dầu khí. Bên cạnh đó, những rủi ro trên thị trường tài chính thế giới vẫn luôn hiện hữu do cơ chế tài chính thế giới vẫn còn thiếu hoàn thiện, tình trạng nợ công tại một số nước Châu Âu và Nam Mỹ vẫn chưa được giải quyết triệt để...

Nhìn chung, những yếu tố tích cực và tiêu cực vẫn hiện hữu song hành và có thể sẽ tác động đáng kể tới triển vọng kinh tế thế giới năm 2015. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia nhận định rằng nền kinh tế thế giới trong năm 2015 sẽ tiếp nối những thành tựu đáng ghi nhận của năm 2014, tiếp tục là năm bản lề cho những bước tiến nhảy vọt tác động mạnh mẽ đến các thành phần kinh tế nói chung và ngành sản xuất kinh doanh điện tử nói chung. Việc kết quả kinh doanh của của ngành sản xuất kinh doanh điện tử phụ thuộc nhiều vào sức mua của người tiêu dùng đã trở thành lợi thế rất lớn khi nền kinh tế chung khởi sắc, niềm tin của người tiêu dùng quay trở lại và quan trọng hơn cả là chi phí sản xuất giảm do đà giảm của giá dầu sẽ tạo ra hiệu ứng kích cầu tự nhiên.

VIII. KẾ HOẠCH KINH DOANH DỰ KIẾN CỦA MASS NOBLE

Với dự báo như trên, Tập đoàn DLG và Công ty Mass Noble Investment Limited dự kiến phương án kinh doanh sẽ tập trung vào (i) nhân sự; (ii) mô hình kinh doanh và (iii) kế hoạch kinh doanh.

Phương án nhân sự

Với mục tiêu đảm bảo tối đa sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính có tính chuyên môn hóa cao của Mass Noble, Tập đoàn DLG sẽ giữ nguyên bộ khung quản lý điều hành và nhân sự của Mass Noble. Công ty Mass Noble, sau khi Tập Đoàn DLG mua Vốn chủ sở hữu, sẽ được điều hành và quản lý như sau:

TT	Nhân sự quản lý cấp cao	Chức vụ hiện tại tại DLG	Chức vụ hiện tại tại Mass Noble	Chức vụ dự kiến tại Mass Noble sau khi Tập đoàn DLG mua
1.	Ông Bùi Pháp	Chủ tịch HĐQT		Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Nguyễn Hồ Nam	Thành viên HĐQT		Phó chủ tịch điều hành
3.	Ông Đoàn Nguyên Tiêu	Thành viên HĐQT		Thành viên HĐQT

TT	Nhân sự quản lý cấp cao	Chức vụ hiện tại tại DLG	Chức vụ hiện tại tại Mass Noble	Chức vụ dự kiến tại Mass Noble sau khi Tập đoàn DLG mua
4.	Ông Đinh Hoài Châu	Cán bộ quản lý		Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
5.	Ông Barry Pettitt		Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc

Việc các nhân sự của Tập đoàn DLG tham gia vào Hội đồng quản trị và phụ trách kinh doanh sẽ giúp cho Công ty Mass Noble Investments Limited thâm nhập thêm vào thị trường Việt Nam, từ đó mở rộng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Phương án về mô hình kinh doanh

Mô hình kinh doanh hiện tại của Công ty Mass Noble Investments Limited là sản xuất tại 3 nhà máy tại Trung Quốc và HongKong. Dự kiến sau khi Tập đoàn DLG sở hữu 97,73%, Công ty Mass Noble Investments sẽ mở rộng nhà máy về Việt Nam để (i) tận dụng nguồn nhân lực của Việt Nam; (ii) thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến điện tử của Việt Nam và (iii) tận dụng lợi thế của Việt Nam khi gia nhập vào Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương ("TPP").

Tập đoàn DLG sẽ trình Quý Bộ hồ sơ Công ty Mass Noble Investments đầu tư vào Việt Nam ngay sau khi có phương án chi tiết.

Kế hoạch kinh doanh

Với (i) hiệu quả kinh doanh năm tài chính từ 1/4/2014 đến 31/5/2015 được cải thiện nhờ vào khởi sắc của ngành điện tử thế giới; với (ii) việc hợp tác trên 10 năm với nhiều doanh nghiệp điện tử lớn trên thế giới như Whirlpool Corporation (Mỹ); Apple Incorporation (Mỹ); REV Ritter GMGH (Đức); Honeywell Technologies SARL (Thụy Sỹ); (iii) với việc Tập đoàn DLG tham gia vào điều hành, góp phần làm giảm các chi phí không hiệu quả trong quá khứ như các chi phí liên quan đến cổ đông, v.v, Công ty Mass Noble Investments Limited dự kiến kế hoạch kinh doanh trong các năm tới, nếu không có hoạt động mở rộng về Việt Nam sẽ như sau:

Bảng 32: Kế hoạch kinh doanh dự kiến của Mass Noble

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu (triệu VND)	Năm SX thứ 1	Năm SX thứ 2	Năm SX ổn định
	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu:	956.070	1.174.030	1.487.220
Lợi nhuận trước thuế:	21.246	64.038	169.968
Lợi nhuận sau thuế:	17.422	52.511	139.374

Nguồn: DLG

Kế hoạch kinh doanh của Mass Noble đã được phê duyệt và gộp vào kế hoạch kinh doanh cho kì kế toán tiếp theo của Tập đoàn DLG. Trong trường hợp Công ty Mass Noble Investments Limited mở rộng kinh doanh về Việt Nam, hoạt động kinh doanh của Công ty dự kiến sẽ hiệu quả hơn do (i) tận dụng được công nghệ hiện tại của Mass Noble do đó chi phí đầu tư cho công nghệ sẽ thấp; (ii) chi phí nhân công của Việt Nam rẻ hơn Trung Quốc, cụ thể lương công nhân trung bình năm 2014 của Việt Nam là

2.989 US$, trong khi của Trung Quốc là 8.204 US$; lương kỹ sư trung bình năm 2014 của Việt Nam là 5.800 US$, trong khi của Trung Quốc là 13.045 US$[7];; (iii) sản phẩm linh kiện điện tử của Mass Noble sản xuất tại Việt Nam sẽ có lợi thế hơn so với sản phẩm sản xuất tại Trung Quốc do Việt Nam sẽ gia nhập TPP, trong khi phần lớn các khách hàng của Công ty Mass Noble Investments Limited đều là các nước đã tham gia TPP (Mỹ) và rất nhiều các công ty điện tử lớn đang dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc về Việt Nam như Samsung, LG Electronics Incorporation, Canon, v.v.

Với giá trị tài sản, nguồn lực con người, tài chính sẵn có, cùng với tiềm năng phát triển của Mass Noble trong tương lai, việc DLG mua vốn chủ sở hữu của Mass Noble trong giai đoạn này là cơ hội và bước đầu tư gián tiếp với chi phí đầu tư thấp và mang lại hiệu quả lâu bền trong tương lai. Đây là bước đi mang tính chất chiến lược nhằm mở rộng qui mô doanh nghiệp, giảm chi phí sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm nhằm tối ưu hoá hiệu quả và phân tán rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của DLG, hướng tới mục tiêu Tập đoàn đa ngành hàng đầu Việt Nam.

[7] Nguồn: Tổ chức Xúc tiến mậu dịch Nhật Bản

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH ĐỂ HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU

I. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

2. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

3. Phương thức phát hành

Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần

4. Hạn chế chuyển nhượng

Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc phát hành

5. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

6. Tổng số cổ phiếu phát hành

Tổng số cổ phiếu phát hành trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 là 19.932.609 cổ phiếu. Số cổ phiếu này sẽ được phát hành để hoán đổi 97,73% cổ phần của Mass Noble.

DLG đang đàm phán để mua toàn bộ số cổ phần còn lại (2,27%) của Mass Noble và sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán ngay sau khi đạt được thỏa thuận với đối tác.

7. Tổng giá trị phát hành thực tế theo mệnh giá

199.326.090.000 *(Một trăm chín mươi chín tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, chín mươi nghìn)* đồng

8. Thời gian dự kiến phát hành

Sau khi được UBCKNN chấp thuận; tuân thủ luật pháp Việt Nam, luật pháp British Virgin Island, Nghị quyết HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai, Nghị quyết HĐQT Mass Noble Investments Limited và tôn trọng quyết định của các Cổ đông của Mass Noble Investment Limited.

9. Tỷ lệ chuyển đổi

Tỉ lệ chuyển đổi: 1 : 1,42987327026264. Tỉ lệ này đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 ngày 24/4/2015.

10. Đối tượng chuyển đổi

Các cổ đông sở hữu 97,73% cổ phần của Mass Noble Investments Limited gồm: AnsenHoldco Limited; Hampora Investments Limited; Valtec Capital Corporation.

Chi tiết về số lượng cổ phiếu DLG phát hành để hoán đổi cổ phần Mass Noble cho các cổ đông của Mass Noble như sau:

Đối tượng phát hành	Số lượng CP Mass Noble SH	Số lượng DLG phát hành	Tỷ lệ (%)
AnsenHoldco Limited	26.512.658,1818	18.541.963	90,91
Hampora Investments Limited	1.723.322,7818	1.205.227	5,91
Valtec Capital Corporation	265.126,5818	185.419	0,91
Tổng khối lượng đã đàm phán	**28.501.107,55**	**19.932.609**	**97,73**
Tổng phát hành để hoán đổi 100% cổ phần	**29.163.924**	**20.396.158**	**100%**
Số cổ phần DLG bị hủy do phần lẻ bị làm tròn xuống		≈ 2	

11. Tiến độ dự án

Ngày 25/4/2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số số 804/BKHĐT-ĐTRNN cho CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai được phép đầu tư ra nước ngoài, theo đó:

(i) Tập đoàn DLG được cấp phép đầu tư mua và sở hữu 97,73% số lượng cổ phần của Công ty Mass Noble Investments;

(ii) Mục đích phát hành là để Quản lý và điều hành Công ty Mass Noble Investments;

(iii) Tập đoàn DLG phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan theo luật pháp Việt Nam và luật pháp của nước sở tại là British Virgin Islands.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

1. Phương pháp tính giá phát hành

Theo giá thị trường, cụ thể là giá đóng cửa của cổ phiếu DLG ngày 27/11/2014.

2. Xác định giá phát hành

Theo phương pháp tính giá phát hành trên giá phát hành của DLG là **12.500 đồng/cổ phiếu.**

III. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do là doanh nghiệp đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu DLG của người nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

Sau khi hoán đổi thành công, tỉ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tại DLG dự kiến là khoảng 12%.

IV. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Những trình bày tóm tắt về các loại thuế có liên quan dưới đây nhằm mục đích tham khảo và có thể còn thiếu sót các loại thuế khác theo quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần tự nộp thuế theo các quy định của pháp luật

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam được áp dụng đối với mọi tổ chức thực hiện hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh tại Việt Nam có lợi nhuận phát sinh tại Việt Nam từ hoạt động thương mại, dịch vụ hoặc kinh doanh đó.

Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân, cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân. Mức thuế suất và các trường hợp cụ thể được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THAM GIA VÀO ĐỢT PHÁT HÀNH

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Trụ sở chính : Tầng 1, tầng 3, tòa nhà SkyCity, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3776 5929 Fax: (84-4) 3776 5928

Website : www.msbs.com.vn

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán:

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai luôn hoạt động ổn định và có lãi. Việc DLG dự kiến sẽ mở rộng ngành nghề sang lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử thông qua việc phát hành 19.932.609 cổ phiếu để hoán đổi 28.501.107,55 cổ phiếu (tương đương 97,73% tổng số cổ phần của Mass Noble) của cổ đông Mass Noble, một công ty được thành lập tại đảo BVI và đã có 20 năm thương hiệu sản xuất linh kiện cho các công ty điện tử lớn trên thế giới như Apple, Whilrpool, v.v., là hoàn toàn khả thi bởi DLG có thể (i) tạo thêm nhiều việc làm cho người Việt và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến điện tử của Việt Nam khi đưa công nghệ của Mass Noble về mở nhà máy tại Việt Nam và (iii) tận dụng lợi thế của Việt Nam khi gia nhập vào Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương.

Việc phát hành này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua vào ngày 24/4/2015 và đã được Bộ Kế hoạch Đầu tư cấp giấy phép chấp thuận mua cổ phiếu của Mass Noble vào ngày 25/4/2015.

Do đó, theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của Mass Noble là phù hợp với nhu cầu của DLG, cũng như phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam, phù hợp với quy định của Pháp Luật, và đặc biệt là sẽ nâng tầm hình ảnh Việt Nam trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sản xuất linh kiện điện tử.

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN CHO CTCP TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại : (84-51) 1365 5886 Fax: (84-51) 1365 5887

3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN CHO CÔNG TY TNHH MASS NOBLE INVESTMENTS

CÔNG TY TNHH HKCMCPA

Trụ sở chính : Phòng 602, tầng 6, Tòa nhà Hoseinee, 69 đường Wynhdam, khu Trung tâm, HK

Điện thoại : (85-2) 2573 2296 Fax: (85-2) 2384 2022

CÁC THÔNG TIN KHÁC

I. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

Trụ sở chính	:	Số 2 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Pleiku, Gia Lai	
Điện thoại	:	(84-5) 9374 7437	Fax: (84-5) 9374 7366

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK (MSBS)

Trụ sở chính	:	Tầng 1, tầng 3, tòa nhà SkyCity, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	
Điện thoại	:	(84-4) 3776 5929	Fax: (84-4) 3776 5928

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Trụ sở chính	:	164 Trần Quang Khải, Hà Nội	
Điện thoại	:	(84-4) 3934 0750	Fax: (84-4) 3934 0739

II. NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên	:	Vũ Thị Hải
Chức vụ	:	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai
Điện thoại	:	(84.5) 9374 7437 Fax: (84.5) 9374 7366

CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai đảm bảo các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

PHỤ LỤC

HỒ SƠ KÈM THEO

- Giấy đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi
- Bản công bố thông tin
- Hợp đồng hoán đổi cổ phiếu
- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông về việc mua cổ phần của Mass Noble và thanh toán bằng phương thức hoán đổi cổ phiếu; Nghị quyết và Biên bản DHDCD thường niên CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai ngày 24/4/2015
- Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 5 năm 2015 của HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi
- Công văn số 124/CV-ĐLGL về việc nộp bổ sung hồ sơ theo công văn số 1478/UBCK-QLPH ngày 31/3/2015 của UBCKNN kèm bản sao y hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư số 804/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 25/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Giấy đăng ký kinh doanh
- Điều lệ hoạt động của Công ty
- Dự thảo Điều lệ hoạt động sau hoạt động mua Công ty Mass Noble Investments của Công ty
- BCTC kiểm toán Hợp nhất 2013, 2014 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2015
- BCTC tự lập của Mass Noble kì 01/4/2014 – 31/3/2015

TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY MASS NOBLE INVESTMENTS

- NQ Mass Noble về việc bán vốn chủ sở hữu/cổ phần cho DLG
- Thư tư vấn của luật sư về việc bán vốn chủ sở hữu/cổ phần cho DLG, và nhận thanh toán bằng cổ phần DLG và hồ sơ Giấy chứng nhận – Giấy phép kinh doanh hành nghề luật sư đi kèm cùng bản dịch hợp lệ
- Biên bản họp HĐQT V/v sửa đổi Thỏa thuận thành lập và Điều lệ Công ty Mass Noble Investment và về việc chia thưởng và tách nhỏ mệnh giá
- Giấy đăng ký kinh doanh
- Điều lệ và bản dịch hợp lệ và Điều lệ sửa đổi
- Sổ đăng ký thành viên/cổ đông
- Báo cáo tài chính kiểm toán 1/4/2012 - 31/3/2013
- Báo cáo tài chính kiểm toán 1/4/2013 -31/3/2014
- Báo cáo tài chính tự lập 1/4/2014 – 31/3/2015

TÀI LIỆU CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY MASS NOBLE INVESTMENTS

- **Tài liệu Công ty Ansen Investment Holding Limited**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập số 113393 cấp bởi BVI cho Ansen Investment Holding Ltd

  Báo cáo tài chính kiểm toán kỳ kế toán 1/4/2012 – 31/3/2013

- **Tài liệu Công ty Ideal Partner Management Limited: Công ty không hoạt động**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập số 422961 cấp bởi BVI cho Ideal Partner Management Ltd

- **Tài liệu Công ty TNHH Maxtech Technology: Công ty không còn hoạt động**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập công ty số 693139 cấp bởi HK cho Golden Function Ltd

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN về việc thay đổi tên công ty số 693129 cấp bởi HongKong đổi tên Golden Function Limited thành Maxtech Technology Limited

- **Tài liệu Công ty TNHH Greatrich Industrial**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập số 488795 cấp bởi HK cho Greatrich Industrial Ltd

  Báo cáo tài chính kiểm toán kỳ kế toán 1/4/2012 – 31/3/2013

- **Tài liệu Công ty TNHH Ansen Intellectual Property: Công ty không còn hoạt động**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập số 130095 cấp bởi BVI cho Ansen Intellectual Property Ltd

- **Tài liệu Công ty TNHH Pacintrex Manufacturing**

  Đã được sáp nhập vào Công ty TNHH Shine Profit Development. Xem phần Công ty TNHH Shine Profit Development.

- **Tài liệu Công ty TNHH Shine Profit Development**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập công ty số 259672 cấp bởi HK cho Shine Profit Development Ltd

  Báo cáo tài chính kiểm toán kỳ kế toán 1/4/2012 – 31/3/2013

  GCN cấp phép số 0496987 cấp bởi TQ cho Công ty TNHH điện tử Ansen Đông Quản (Công ty con của Công ty TNHH Shine Profit Development)

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch Giấy phép kinh doanh doanh nghiệp hợp pháp số 1487376 cấp bởi TQ cho Công ty TNHH điện tử Ansen Đông Quản

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thay đổi tên công ty số 756935 cấp bởi HK đổi tên Promstar Limited thành Pacintrex Manufacturing Limited (Công ty được sáp nhật vào Công ty TNHH Shine Profit Development

- **Tài liệu Công ty TNHH Profit Metal**

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN thành lập công ty số 547358 cấp bởi HK cho Profit Metal Ltd

  Báo cáo tài chính kiểm toán kỳ kế toán 1/4/2012 – 31/3/2013

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch GCN cấp phép số 0541608 cấp bởi TQ cho Công ty TNHH sản phẩm nhựa LiCai Đông Quản

  Xác nhận bản dịch và Bản dịch Giấy phép kinh doanh doanh nghiệp hợp pháp số 1793105 của TQ cấp cho Công ty TNHH sản phẩm nhựa LiCai Đông Quản

Gia Lai, ngày tháng năm 201

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 5900415863 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI - TP. PLEIKU - T. GIA LAI

BÙI PHÁP

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM ANH HÙNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LÊ NGỌC MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ THỊ HẢI

Hà Nội, ngày tháng năm 201

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIMEBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P : 09 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

MẠC QUANG HUY